

Pañcasikha là Anuruddha,
Mātali là thị giả Ānanda.

289. Suriya chính Kassapa,
Canda ngày ấy, Moggallāna,
Nārada là Sāriputta,
Vua trời Đế-thích chính là Như Lai.

§536. CHUYỆN CHIM CHÚA KUṆĀLA (*Kuṇālajātaka*)¹⁶ (J. V. 413)

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc trú gần hồ Kuṇāla, liên hệ đến năm trăm vị Tỷ-kheo bị tâm bất mãn chi phối. Câu chuyện diễn tiến theo trình tự sau đây.

Hai bộ tộc Sākya (Thích-ca) và Koliya (Câu-ly) có con sông Rohiṇī chảy ở giữa hai thành phố Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) và Koliya. Sông này được ngăn bằng một con đê duy nhất, nhờ đó dân chúng cày bừa gặt hái. Trong tháng Jetṭhamūla (tháng Năm và Sáu), khi lúa bắt đầu trổ bông và rũ xuống, nông dân cư trú ở hai thành này tụ họp lại. Rồi dân chúng Koliya nói:

– Nếu cả hai bên cùng lấy nước thì nước sẽ không đủ cho cả hai thành phố chúng ta. Song dân chúng tôi sẽ được mùa to nếu chỉ một bên chúng tôi kéo nước, vậy hãy cho chúng tôi nước sông này!

Dân chúng thành Kapilavatthu đáp:

– Khi các ông đã chất thóc đầy vựa thì chúng tôi không dám cả gan đem rubi, vàng ròng, sa-phia, tiền đồng, thúng, giỏ trong tay lai vãng trước cửa nhà các ông đâu. Chúng tôi cũng sẽ được mùa to nếu chỉ riêng chúng tôi lấy nước, vậy hãy cho chúng tôi lấy nước này đi!

Đám người này đáp:

– Ta không muốn cho.

Đám người kia trả lại:

– Ta cũng không muốn.

Trong lúc lời qua tiếng lại ồn ào như vậy, một người trong bọn họ đứng lên đâm vào một kẻ khác, đến lượt người ấy đâm trả một kẻ thứ ba và cứ thế họ đâm đá nhau và xúc phạm đến nguồn gốc hoàng tộc của nhau, làm tăng dần cảnh huyên náo ấy. Các nông gia Koliya bảo:

– Các người Kapilavatthu, con cháu dòng Sākya hãy rút ngay đi, chúng bây là loài cầu trệ, lang sói, ăn ở với chị em gái của mình như súc vật kia. Voi, ngựa, giáo, khiên của chúng bây chống lại ta có lợi ích gì?

Các nông gia Sākya đáp:

¹⁶ Xem J. I. 328, *Rukkhadhammajātaka* (Chuyện luật cây rìng), số §74.

– Này lũ người cùi khốn nạn, hãy cút đi mau với con cháu của bây, một lũ tội tàn, thân phận hèn hạ, chẳng khác bầy dã thú sống nơi cây táo. Voi, ngựa, giáo, khiên của chúng bây chống lại ta có ích lợi gì?

Vì thế, họ đi kể chuyện với các viên chức trong hội đồng phụ trách công việc ấy và các vị này lại báo cáo với các vị trưởng tộc hoàng gia. Sau đó, các vị trưởng tộc Sākya bảo:

– Phe ta sẽ cho chúng thấy những người ăn ở với chị em gái của mình hùng dũng như thế nào.

Rồi họ xông ra, sẵn sàng chiến đấu. Còn bộ tộc Koliya bảo:

– Phe ta sẽ cho chúng thấy những người sống trong bông cây táo hùng dũng ra sao.

Và họ cũng xông tới, sẵn sàng chiến đấu.

Nhưng một số Đạo sư khác lại kể chuyện như vậy: “Khi các nữ tỳ của bộ tộc Sākya và bộ tộc Koliya ra sông để lấy nước, vừa ném xuống đất các vảnh khăn họ đội trên đầu vừa ngồi xuống chuyện trò vui vẻ thì một người cầm nhầm khăn của người khác vì tưởng đó là khăn của mình. Và khi có tranh cãi do việc này gây ra, mỗi người đều bảo khăn kia của mình. Dần dần dần chúng của hai thành gồm cả nô lệ, nông dân, tùy tùng, thủ lĩnh, quan chức, phó vương đều xông ra sẵn sàng chiến đấu.” Tuy thế, bản kinh trước được tìm thấy trong nhiều tập *Chú giải* và được xem là hợp lý, đáng chấp nhận hơn bản sau.

Bấy giờ, vào buổi xế chiều, dân chúng đã xông ra sẵn sàng lâm trận. Thời ấy, đức Thế Tôn đang trú tại Sāvattthi, lúc rạng đông, trong khi đang quán sát thế gian, Ngài thấy họ khởi hành ra trận. Ngài tự hỏi nếu Ngài đến đó, trận chiến có chấm dứt chăng và Ngài quyết định: “Ta quyết đến đó và để dập tắt cuộc tử chiến này, Ta sẽ kể hai câu chuyện tiền thân để chứng minh lợi lạc của tình đoàn kết. Ta sẽ dạy họ *Kinh Cháp trượng*¹⁷ và sau khi nghe Ta thuyết giảng, dân chúng hai thành này sẽ đưa đến diện kiến Ta mỗi bên hai trăm năm mươi thanh niên, Ta sẽ nhận họ vào Giáo đoàn và hội chúng ngày càng thêm đông đảo.”

Vì thế, sau khi đã tắm rửa, Ngài đến thành Sāvattthi khát thực. Trở về sau buổi thọ trai, vào xế chiều, Ngài bước ra từ hương phòng, không báo cho ai một lời, Ngài cầm y bát, một mình ra đi và ngồi kiết-già trên không, giữa hai nhóm người ấy. Thấy rằng đây là cơ hội làm quân chúng kinh ngạc, Ngài ngồi đấy tỏa ra các tia sáng xanh đậm¹⁸ từ tóc Ngài khiến bầu trời đen tối. Rồi khi tâm họ lo âu, Ngài liền xuất hiện và tỏa ra ánh sáng lục sắc từ thân Phật.

Dân chúng Kapilavatthu thấy đức Thế Tôn liền suy nghĩ: “Đức Thế Tôn, vị thân tộc cao quý của chúng ta đã đến. Có thể Ngài đã thấy phận sự chiến đấu đặt trên phe ta chăng? Nay bậc Đạo sư đã đến, ta không thể lao vũ khí chống kẻ thù nào nữa?” Rồi họ hạ vũ khí xuống và nói:

¹⁷ Xem Sn. 182, *Attadaṇḍasutta* (*Kinh Cháp trượng*).

¹⁸ Xem J. I. 327.

– Dân Koliya cứ giết chết hay thiêu sống chúng ta đi.

Dân Koliya cũng làm giống như vậy. Lúc ấy, đức Thế Tôn giáng lâm và ngự trên bảo tọa của đức Phật đặt ở một nơi tuyệt đẹp trên bãi cát, Ngài chiếu hào quang vô thượng của một bậc Giác Ngộ.

Các vị vua đánh lễ đức Thế Tôn và an tọa. Sau đó, bậc Đạo sư hỏi, mặc dù Ngài đã biết rõ sự việc:

– Thừa các Đại vương, tại sao các vị đến đây?

– Bạch Thế Tôn, chúng con đến đây không phải để ngắm dòng sông hay vui chơi mà để chiến đấu.

– Các Đại vương có tranh chấp về việc gì?

– Bạch Thế Tôn, về nước sông.

– Thế nước sông đáng giá bao nhiêu?

– Bạch Thế Tôn, rất ít.

– Thế đất đai đáng giá bao nhiêu?

– Bạch Thế Tôn, đất vô giá.

– Thế các vị tướng quân đáng giá bao nhiêu?

– Bạch Thế Tôn, họ cũng vô giá.

– Đại vương, thế tại sao chỉ vì một chút nước chẳng ra gì mà các vị phải hủy diệt các tướng quân cao quý? Quả thật, cuộc tranh chấp này không có gì đền bù được cả, song vì một cuộc tử chiến giữa một vị thần cây và một sư tử đen nên một mối thù truyền kiếp đã được tạo ra và kéo dài đến tận hiện kiếp này.

Cùng với những lời trên, Ngài kể cho họ nghe chuyện tiền thân trong *Chuyện cây hồng phượng vĩ*.¹⁹ Sau đó, Ngài bảo:

– Các vị vua không nên đi theo nhau một cách lệ thuộc thế này. Một đoàn súc vật bốn chân ở vùng Tuyết Sơn trải dài ba ngàn do-tuần đã nghe lời một con thỏ, lần lượt đâm đầu xuống biển; vì vậy, không nên theo nhau cách này.

Nói vậy xong, Ngài kể chuyện tiền thân trong *Chuyện tiếng động mạnh*.²⁰

Sau đó, Ngài lại bảo:

– Đôi khi kẻ yếu nhìn thấy nhược điểm của người mạnh, khi khác người mạnh thấy nhược điểm của kẻ yếu nên có lần một con chim cú mái đã giết một vương tượng.

Và Ngài kể chuyện tiền thân trong *Chuyện chim cú*.²¹

Như vậy, để làm dịu cuộc tranh chấp, Ngài đã kể ba câu chuyện tiền thân. Và để chứng minh hiệu quả của sự đoàn kết, Ngài kể hai câu chuyện tiền thân:

¹⁹ Xem J. IV. 207, *Phandanajātaka* (*Chuyện cây hồng phượng vĩ*), số §475.

²⁰ Xem J. III. 77, *Daddabhajātaka* (*Chuyện tiếng động mạnh*), số §322.

²¹ Xem J. III. 174, *Laṭṭikajātaka* (*Chuyện chim cú*), số §357.

– Trong trường hợp những sinh vật sống chung đoàn kết, không ai tìm ra kẻ hờ để tấn công cả.

Nói vậy xong, Ngài kể chuyện tiền thân trong *Chuyện luật cây rừng*.²²

Sau đó, Ngài lại nói:

– Đối với những sinh vật đoàn kết, không ai có thể tìm ra lỗ hổng để tấn công, nhưng khi chúng đã tranh chấp lẫn nhau thì một kẻ đi săn nào đó cũng có thể tàn phá và tiêu diệt chúng. Quả thật không có phần thưởng gì trong cuộc tranh chấp cả.

Cùng với những lời này, Ngài kể chuyện tiền thân trong *Chuyện sống hòa hợp*.²³ Sau khi đã kể năm chuyện tiền thân như vậy, Ngài chấm dứt bằng cách thuyết *Kinh Cháp trọng*.²⁴

Khi đã trở thành những kẻ mộ đạo, các vị vua nói:

– Nếu bậc Đạo sư không đến, chúng ta đã tàn sát lẫn nhau làm máu chảy thành sông. Chính nhờ bậc Đạo sư mà chúng ta còn sống. Nhưng ví thử trước kia bậc Đạo sư sống đời thế tục thì giang sơn gồm bốn đại châu cùng với hai ngàn đảo nhỏ nữa hẳn đã vào tay Ngài và hẳn Ngài đã có hơn một ngàn vương tử. Hơn nữa, chắc hẳn Ngài đã có một đoàn tùy tùng gồm các tướng lãnh quý tộc. Song từ bỏ mọi vinh quang này, Ngài xuất thế và đạt trí tuệ tối thắng. Bây giờ, chúng ta hãy tiễn Ngài lên đường cùng một đoàn tùy tùng tướng lãnh quý tộc.

Thế là dân chúng hai thành mỗi bên tặng Ngài hai trăm năm mươi vị quý tộc. Sau khi truyền giới xuất gia cho họ, Ngài đi về một khu rừng lớn. Từ ngày hôm sau, được đệ tử hộ tống, Ngài đi khát thực ở hai thành, khi thì vào Kapilavatthu, lúc khác lại vào Koliya, dân chúng cả hai thành đều hết sức kính trọng Ngài.

Trong số vương gia quý tộc này có những vị thọ giới không do hoan hỷ mà vì kính trọng bậc Đạo sư nên nổi bất mãn trong tâm khởi sinh. Những người vợ cũ của họ muốn khơi dậy niềm bất mãn của họ, cứ gửi đi những lời nhẩn tin này nọ, khiến họ lại càng trở nên nản lòng thối chí hơn nữa. Khi quán sát, bậc Đạo sư nhận thấy tâm họ đã bất mãn như thế nào liền suy nghĩ: “Các Tỷ-kheo này, dù sống với một bậc Giác Ngộ như Ta, vẫn sinh tâm bất mãn. Ta thử xem cách thuyết giảng nào sẽ ích lợi cho họ.” Ngài nghĩ đến pháp thoại về Kuṇāla. Rồi ý tưởng này chợt nảy ra trong trí Ngài: “Ta sẽ đưa các Tỷ-kheo này đến vùng Tuyết Sơn và sau khi chứng minh các ác dục liên hệ đến nữ giới qua câu chuyện Kuṇāla và xóa tan nổi bất mãn của họ, Ta sẽ làm cho họ đạt Sơ quả trong Thánh đạo.”

Vì thế sáng sớm Ngài đắp y và cầm y bát đi khát thực ở thành Kapilavatthu, sau khi trở về và dùng ngọc trai đã xong, Ngài bảo năm trăm vị Tỷ-kheo:

²² Xem J. I. 328, *Rukkhadhammajātaka* (Chuyện luật cây rừng), số §74.

²³ Xem J. I. 213, *Vaṭṭakajātaka* (Chuyện con chim cú), số §35.

²⁴ Xem Sn. 182, *Attadaṇḍasutta* (Kinh Cháp trọng).

– Các ông đã từng thấy vùng Tuyết Sơn đầy lạc thú chưa?

Các vị đáp:

– Bạch Thế Tôn, chưa.

– Thế các ông có muốn đi chiêm bái Tuyết Sơn chẳng?

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có thần thông lực, làm sao chúng con đi được?

– Song giả sử có ai đó đưa các ông cùng đi, các ông có muốn đi chẳng?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư liền dùng thần lực đưa tất cả các vị lên không gian và du hành đến vùng Tuyết Sơn. Vừa trụ trên không, Ngài vừa chỉ cho hội chúng xem một dãy Tuyết Sơn kỳ diệu với nhiều đỉnh núi như Kim Sơn, Ngân Sơn, Ngọc Sơn, Hồng Sơn, Ánh Sơn, Bình Địa Sơn, Thủy Tinh Sơn, với năm sông lớn và các hồ Kaṇṇamuṇḍaka, Rathakāra, Sīhapapāta, Chaddanta, Tiyaḅḅala, Anotatta và Kuṇāla, tất cả bảy hồ.

Tuyết Sơn là một vùng mênh mông cao năm trăm do-tuần, rộng ba ngàn do-tuần. Ngài đã dùng thần thông lực chỉ cho hội chúng thấy cảnh tuyệt mỹ của vùng này cùng các chỗ cư trú được xây tại đó và các loài động vật như từng đoàn sư tử, cọp, voi. Ngài đều chỉ rõ từ nơi này các vùng đất thiêng và nhiều lạc viên khác đầy hoa quả sum suê, từng đàn chim đủ loại và các cây hoa mọc trên đất lẫn dưới nước. Bên sườn Đông của Tuyết Sơn là một bình nguyên đất vàng và bên sườn Tây là một bình nguyên đất đỏ.

Thoạt nhìn thấy những vùng kỳ vĩ này, nổi lòng mong nhớ khát khao của các Tỷ-kheo đối với những người vợ cũ tiêu tan mất. Sau đó, bậc Đạo sư cùng các Tỷ-kheo từ không trung hạ xuống sườn Tây của Tuyết Sơn, trên cao nguyên Manosilātala rộng sáu mươi do-tuần, trong thung lũng đỏ kéo dài ba do-tuần, bên dưới cây sāla bảy do-tuần sừng sững cả kiếp, bậc Đạo sư được Tăng chúng vây quanh, Ngài tỏa hào quang lực sắc làm chấn động cả lòng đại dương, chiếu sáng như mặt trời, Ngài an tọa và nói với các Tỷ-kheo bằng một giọng ngọt như mật:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy hỏi Ta về các kỳ quan mà các ông chưa từng thấy ở vùng Tuyết Sơn này.

Lúc ấy, hai chim cu cườm ngậm một khúc cây ở hai đầu và ở giữa có đặt chim chúa. Tám chim cu ở trước và tám con ở sau, tám con bên phải và tám con bên trái, tám con ở dưới và tám con ở trên, cứ thế che bóng cho chim chúa trong khi vừa hộ tống chim chúa vừa bay qua không gian.

Khi thấy đàn chim này, các Tỷ-kheo hỏi bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, bầy chim này có ý nghĩa gì chẳng?

– Nay các Tỷ-kheo, đây là một tục lệ cổ của gia tộc Ta, một truyền thống do Ta tạo ra, thời xưa chúng hộ tống Ta như vậy. Thuở bấy giờ, có cả một đàn chim

lớn. Ba ngàn năm trăm chim mái son trẻ đã hộ tống Ta. Dần dần chúng tán mát và đàn chim còn lại như các ông thầy đó.

– Bạch Thế Tôn, chúng đã hộ tống Thế Tôn trong rừng như thế nào?

Bạch Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, hãy nghe đây!

Ngài hồi tưởng chuyện cũ và kể một chuyện quá khứ như vậy.

Chuyện được tương truyền và được nghe rằng:

Ở một vùng có đầy đủ mọi thứ thảo dược, được phủ bởi nhiều khóm hoa, có nhiều loài thú lai vãng như voi, bò tót, trâu, nai sao, trâu rừng, hươu sao, tê giác, nai lớn, sư tử, hổ, báo, gấu, sói, linh cẩu, rái cá, linh dương kadali, mèo rừng, thỏ tai dài, có đông đúc các bầy thú nhỏ, heo rừng, voi đực, voi cái, lại có các loài gấu đen, khi, nai sarabha, sơn dương, nai gió, nai nhiều màu, nữ dạ-xoa mồm lửa, nhân điểu, dạ-xoa, la-sát. Có nhiều bụi cây đâm chồi nảy lộc, hoa đơm trĩu cành, hàng trăm con chim chuyênh cành nháy nhót, say sưa hót vang, rộn ràng như chim ưng, gà gô, phượng hoàng, chim công, chim cu gáy, gà lôi, kền kền, chim bách thanh, chim cu rừng. Vùng đất được tô điểm và bao phủ với hàng trăm khoáng chất như ăng-ti-mon, thạch tín, hùng hoàng, thần sa, vàng, bạc, vàng khối.

Quả thật, ở khu rừng rậm kỳ thú như thế này có một con chim tên là Kuṇāla vô cùng xinh đẹp với bộ lông sắc sỡ, óng ánh. Chim Kuṇāla này có ba ngàn năm trăm chim mái theo hầu. Thời ấy, hai con chim mái ngâm một khúc cây trong mỏ, đặt chim Kuṇāla ở giữa và bay lên vì sợ rằng nổi gian lao trong quãng đường xa sẽ làm chim này rơi khỏi chỗ đậu.

Năm trăm chim mái bay phía dưới và chúng suy nghĩ: “Nếu chim Kuṇāla này rơi xuống khỏi chỗ đậu thì chúng ta sẽ giữ lấy ngài trong đôi cánh của chúng ta.”

Năm trăm chim mái bay phía trên vì sợ rằng sức nóng làm cháy da chim Kuṇāla.

Năm trăm chim mái bay ở phía hai bên hông để cản lạnh, nóng, cỏ rác, bụi bặm, gió, sương đọng vào chim Kuṇāla.

Năm trăm chim mái phía trước vì sợ rằng bọn chặn trâu bò, chặn dê, những người cắt cỏ, những người lượm củi, tiểu phu, kiểm lâm, công kích chim Kuṇāla bằng que củi, mảnh sành, nắm tay, hòn đất, cây gậy, con dao, hòn sỏi, hoặc lo rằng chim Kuṇāla sẽ va chạm vào bụi cây, dây leo, thân cây, cành cây, cột trụ, tảng đá hoặc một con chim có sức mạnh.

Năm trăm chim mái bay phía sau, nói những lời dịu dàng, thân ái bằng những âm điệu du dương, ngọt ngào vì e rằng chim Kuṇāla chán nản ở nơi chỗ ngồi.

Năm trăm chim mái bay lượn vòng quanh đây đó, mang về đủ loại trái cây khác nhau vì sợ rằng chim Kuṇāla phải chịu mệt nhọc vì đói.

Thời ấy, bầy chim mái nhanh nhẹn đưa chim Kuṇāla đi thưởng ngoạn từ lạc viên này đến lạc viên khác, từ khu vườn này đến khu vườn khác, từ bên sông này đến bên sông khác, từ đỉnh núi này đến đỉnh núi khác, từ vườn xoài này đến vườn xoài khác, vườn hồng đào này đến vườn hồng đào khác, vườn mít này đến vườn mít khác, rừng dừa này đến rừng dừa khác. Cứ thế ngày nọ sang ngày kia, chim Kuṇāla được bầy chim này hộ tống như vậy, nhưng lại trách mắng chúng:

– Này lũ xấu xa kia, chết đi, chết tiệt cả đi, chúng bây là quân trộm cắp, lừa đảo, vô tâm, phù phiếm, bạc nghĩa vong ân, đi bắt cứ nơi nào chúng bây muốn như cơn gió!

Nói vậy xong, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, hiển nhiên là ngay khi Ta còn ở đời sống súc sinh, Ta đã hiểu rõ tính tình vô ơn, độc ác, vô luân của nữ giới. Ngay thời ấy Ta đã không rơi vào uy lực của họ và Ta đã đặt họ dưới uy lực của Ta.

Sau khi xóa tan nỗi bất mãn trong tâm của Tăng chúng bằng những lời này, Ngài lại giữ im lặng. Vào lúc này, hai chim cu màu đen đến nơi đây, nâng chim chúa lên cao trên khúc cây, trong khi mỗi bên có bốn chim khác bay phía dưới. Thấy chúng, các Tỷ-kheo lại hỏi bậc Đạo sư về bầy chim và Ngài đáp:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa Ta có bạn là một chim cu chúa tên là Puṇṇamukha, và truyền thống trong gia tộc chim ấy là như vậy.

Để đáp lại câu hỏi của các Tỷ-kheo như trước, Ngài bảo:

– Quả thật, trên sườn Đông của dãy Tuyết Sơn, chúa tể của núi đồi là những dòng suối xanh biếc, bắt nguồn từ những sườn núi thoải thoải, trong một vùng thơm ngát, mê hồn, sáng tươi, điểm lệ với hoa sen nở rộ đủ màu như sen xanh, sen hồng, sen trắng, sen bách diệp, súng trắng và cây hoa thần tiên. Một miền bát ngát mỹ miều với đủ loại kỳ hoa dị thảo, cây leo; vang rền tiếng thiên nga, vịt, ngỗng; có từng đoàn ần sĩ khổ hạnh, những vị có đủ thần thông biến hóa; lại có các thần linh, ma quỷ, dạ-xoa, yêu quái, nhạc thần, tiên nữ và măng xà.

Chính trong một khu rừng kỳ ảo như vậy, chim cu chúa Puṇṇamukha đã cư trú. Giọng nó thật du dương êm ái, chính đôi mắt tươi vui ấy là đôi mắt của con chim đang say sưa với nhiều hoan lạc. Ba ngàn năm trăm chim mái theo hộ tống chim chúa Puṇṇamukha này. Cũng vậy, có hai con chim vừa ngâm khúc cây trong mỏ và đặt Puṇṇamukha ở giữa vừa bay lên không gian vì sợ chim chúa phải chịu mệt nhọc. Thuở ấy, chim Puṇṇamukha được đàn chim này hộ tống ban ngày, đã ca ngợi chúng như vậy:

– Các hiền muội thật đáng tuyên dương, hành động này của các hiền muội

rất phù hợp với các mệnh phụ cao sang vì các hiền muội đã phụng sự chúa công mình.

Lúc ấy, thực ra chim Puṇṇamukha đến gần nơi chim Kuṇāla đang đậu. Và đàn chim mái hầu cận chim Kuṇāla đã thấy chim kia trong khi chim ấy còn ở đằng xa, chúng kéo đến gần chim Puṇṇamukha và cầu thân như vậy:

– Này hiền hữu Puṇṇamukha, chim Kuṇāla là một con chim hung bạo với giọng lưỡi thô tục. Có lẽ nhờ hiền hữu giúp đỡ, chúng tôi may ra mới nghe được lời nói tử tế của vị ấy.

– Thừa các quý nương, có lẽ ta làm được việc ấy.

Nói vậy xong, chim ấy đến gặp chim Kuṇāla, sau lời chào hỏi ân cần, chim ấy cung kính đậu một bên và nói với Kuṇāla như vậy:

– Này hiền hữu Kuṇāla, tại sao hiền hữu đối xử tàn tệ với các quý nương này mặc dù họ giữ phẩm hạnh tốt đẹp? Hiền hữu Kuṇāla, ta nên nói lời dịu ngọt ngay cả với các nữ nhân có lời lẽ thiếu tao nhã, hướng hồ đối với các quý nương thanh cao thế này.

Khi chim ấy nói vậy xong, Kuṇāla liền phỉ báng Puṇṇamukha như sau:

– Này quân khốn nạn kia, hãy chết đi, chết tiệt cả đi! Ai lại giống như người cứ mềm lòng trước lời van xin của nữ giới?

Khi bị khiển trách như vậy, chim Puṇṇamukha liền bỏ đi. Rồi chẳng bao lâu sau đó, Puṇṇamukha lâm bệnh nặng và chịu đau đớn kịch liệt vì chứng xuất huyết, làm chim gần chết. Bầy chim hầu cận chim Puṇṇamukha liền suy nghĩ: “Chim Puṇṇamukha này bị bệnh nặng, qua khỏi được căn bệnh này thì tốt.”

Nghĩ vậy, chúng liền rời đi, bỏ chim ấy một mình và kéo đến gần chim Kuṇāla. Kuṇāla nhìn chúng bay lại từ xa, khi thấy chúng liền hỏi:

– Lũ khốn nạn kia, chúa của bây đâu?

– Hiền hữu Kuṇāla, chim Puṇṇamukha bị bệnh, qua khỏi được căn bệnh này thì tốt.

Khi chúng nói vậy xong, chim Kuṇāla nguyên rủa chúng:

– Hãy chết đi, lũ khốn nạn kia, chết tiệt đi, chúng bây là lũ trộm cắp, lừa đảo, vô tâm, phù phiếm, bạc nghĩa vong ân, đi bất cứ nơi nào chúng bây muốn như cơn gió!

Nói vậy xong, chim ấy đến gần nơi chim Puṇṇamukha nằm và nói như sau:

– Chào hiền hữu Puṇṇamukha.

Chim kia đáp:

– Chào hiền hữu Kuṇāla.

Sau đó, chim Kuṇāla dùng đôi cánh và mỏ ôm lấy Puṇṇamukha và vừa nâng bạn lên vừa cho uống đủ thứ thuốc. Nhờ thế, bệnh tình của chim Puṇṇamukha đã thuyên giảm. Khi chim Puṇṇamukha đã khoẻ mạnh, bầy chim bay trở về; và

Kuṇāla cho Puṇṇamukha ăn quả rừng trong vài ngày, đến khi bạn đã hồi sức, chim chúa bảo:

– Nay hiền hữu, nay đã bình phục, hãy tiếp tục sống với đàn chim hộ tống bạn, còn ta sẽ trở về nơi cư trú của ta!

Lúc ấy, Puṇṇamukha bảo bạn:

– Chúng đã bỏ ta khi ta lâm trọng bệnh và bay đi nơi khác. Ta không cần bọn lừa đảo ấy nữa!

Nghe vậy, Bồ-tát đáp:

– Nay hiền hữu, ta sẽ kể cho bạn nghe về tính độc ác của nữ giới.

Rồi ngài ôm lấy Puṇṇamukha và đưa đến Manosilātala trên sườn Tuyết Sơn, đậu trên một tảng hồng thạch tín dưới gốc cây sāla tỏa rộng bảy do-tuần. Trong lúc Puṇṇamukha an tọa có đoàn tùy tùng đậu xung quanh, khắp cả vùng Tuyết Sơn vang lên lời bố cáo của chư thiên:

– Hôm nay, điều vương Kuṇāla an tọa trên phiến hồng thạch tín ở Tuyết Sơn sẽ thuyết pháp với về kỳ diệu của một bậc Giác ngộ. Xin các vị hãy lắng tai nghe ngài!

Nhờ bố cáo như vậy, lần lượt chư thiên ở sáu tầng trời dục giới đều nghe và tụ họp lại; nhiều sơn thần, rắn thần, Kim Sí điều (chim thần Cánh Vàng), kên kên cũng loan báo sự kiện trên. Thời ấy, thứu vương Ānanda cùng với đàn tùy tùng mười ngàn kên kên trú ngụ tại đỉnh Linh Thứu. Khi nghe tin chấn động này, chim ấy suy nghĩ: “Ta sẽ đi nghe thuyết pháp”, rồi cùng đàn chim hộ tống đến đậu riêng một nơi.

Ẩn sĩ Nārada đã đắc năm thắng trí đang ở vùng Tuyết Sơn cùng đoàn đệ tử gồm mười ngàn ẩn sĩ, khi nghe tin chư thiên loan truyền liền suy nghĩ: “Chúng bảo nhau hiền hữu Kuṇāla sẽ nói về các lỗi lầm của nữ giới, ta cũng phải đi nghe bạn thuyết giảng.” Vị ấy dùng thần thông du hành đến đó cùng mười ngàn ẩn sĩ và ngồi một bên. Thế là đã có một hội chúng tập họp lại đông như vậy để nghe pháp của bậc Giác ngộ.

Lúc ấy, Bồ-tát với tri kiến của một vị nhớ lại tiền thân của mình, lấy Puṇṇamukha làm nhân chứng, kể lại một trường hợp trong tiền kiếp liên hệ đến lỗi lầm của nữ giới.

Để làm sáng tỏ vấn đề, bậc Đạo sư nói:

– Thời ấy, chim Kuṇāla nói với chim Puṇṇamukha vừa mới được khỏi bệnh: “Nay hiền hữu Puṇṇamukha, ta đã thấy Kaṇhā, một nữ nhân có hai cha và năm chồng, lại còn luyện ái một nam nhân thứ sáu là một gã lùn có đầu thụt vào cổ và què chân nữa.”

Ngoài ra, lại có thêm lời này:

- 290.** Chuyện cô Kanhā, được kể rằng,
Cả năm hoàng tử gả cho nàng,
Tham lam nàng vẫn còn ham muốn,
Một gã gù lưng, gái điếm đàng!

Này hiền hữu Puṇṇamukha, ta đã thấy trường hợp một nữ tu sĩ khổ hạnh tên Saccatapāvī sống trong nghĩa địa và bỏ cả buổi ăn thứ tư, song lại phạm tội lỗi với một người thợ làm vàng.

Này hiền hữu Puṇṇamukha, ta đã chứng kiến trường hợp nàng Kākāti, vợ của Vua Venateyya, sống giữa biển cả, tuy thế đã phạm tội lỗi với nhạc công Naṭakuvera.²⁵

Này hiền hữu Puṇṇamukha, ta đã thấy nàng tóc vàng Kuraṅgavī, mặc dù yêu Eḷakamāra, lại phạm tội lỗi với Chaḷaṅga và Dhanantevāsī.

Ta cũng biết chuyện mẹ của Brahmadata đã bỏ vua xứ Kosala và phạm tội lỗi với Pañcālacaṇḍa ra sao.

- 291.** Nhiều nữ nhân theo ác dục tình,
Ta không ca ngợi, đặt lòng tin,
Ví như quả đất kia bình đẳng,
Các thứ chứa dung, của cải gìn,
Cam tâm, không động, không dời đổi,
Nữ vậy, nam nhân chẳng được tin!

- 292.** Sư tử sống bằng máu thịt tươi,
Dùng năm móng sắc xé con mồi,
Tìm vui trong nỗi đau loài khác,
Cẩn thận, nữ nhân cũng một nòi!

Này hiền hữu Puṇṇamukha, thật vậy, những người đàn bà này không phải là bọn gái điếm, giang hồ, chúng thật ra không là kẻ giam cầm, không là sát nhân, tức bọn gái đứng đường buôn hương bán phấn. Chúng giống như quân cường đạo với cuộn tóc vàng kết lại, chúng như thuốc độc, như lũ lái buôn tự khoe mình, quanh co như sừng dê, miệng lưỡi độc địa như loài rắn, như cái hồ có nắp đáy, tham lam vô tận như địa ngục, khó làm thỏa mãn như quỷ cái, ngổn ngáu mọi loài như Diêm vương, tàn phá mọi sự như ngọn lửa, cuốn trôi mọi vật ở trước nó như dòng sông, như cơn gió thổi tới nơi nào nó muốn, không biết phân biệt gì như đỉnh núi Neru,²⁶ kết trái quanh năm như loài cây độc.

Ngoài ra, lại có thêm lời này nữa:

- 293.** Như độc được, quân cướp bạo tàn,
Quanh co như gạc của sơn dương,

²⁵ Xem J. III. 91, *Kākātijātaka* (Chuyện Hoàng hậu Kākāti), số §327.

²⁶ Xem J. III. 328, *Nerujātaka* (Chuyện núi Neru), số §379.

Mãnh xà hai lưỡi là loại chúng,
Chực sẵn khoe khoang tựa lái buôn.

294. Họ giống như là hổ đậy che,
Như là vực thẳm khó tràn trề,
Như loài quỷ dữ tham vô độ,
Thần chết mang theo mọi vật kia.
295. Ngọn ngáu khác đầu ngọn lửa nồng,
Mạnh như hồng thủy hoặc cuồng phong,
Như Neru đỉnh màu vàng chói,
Thiện ác không hề biết biệt phân.
Não hại như cây độc sát nhân,
Chúng luôn tàn phá cả năm phần,
Gia tài sự nghiệp đều tiêu tán,
Phung phí bạc vàng, mọi bảo trân.

CHUYỆN CÔNG CHÚA KANHĀ

Truyền thuyết kể rằng, thời xưa, Vua Brahmadatta ở xứ Kāsi nhờ có quân hùng tướng mạnh chiếm quốc độ Kosala, giết vua xứ Kosala và cướp vị chánh hậu lúc ấy đang có thai đưa về Ba-la-nại và phong bà làm vương phi. Về sau bà sinh một con gái. Vua này không có con trai hay con gái gì cùng huyết thống với mình nên vô cùng hoan hỷ và phán:

– Này Mỹ hậu, hãy chọn một điều ước trăm ban tặng Ái khanh!

Bà nhận điều ước nhưng chưa lựa chọn. Bấy giờ, họ đặt tên công chúa là Kanhā. Vừa khi nàng lớn lên, mẫu hậu bảo:

– Này con yêu quý, phụ vương đã ban mẹ một điều ước, mẹ đã nhận song còn trì hoãn sự lựa chọn. Nay con hãy chọn điều gì con thích.

Do dục tình phát triển đến độ phá tan nôi e thẹn của một thiếu nữ, nàng nói với mẹ:

– Con không thiếu thứ gì cả. Xin phụ vương hãy triệu tập một đại hội để kén phò mã cho con.

Mẫu hậu kể lại chuyện này với vua. Vua phán:

– Hãy cho công chúa thứ gì nàng muốn!

Và vua ban lệnh truyền mở hội kén phò mã. Trong sân châu, nhiều nam nhi tụ tập phục sức cực kỳ lộng lẫy. Kanhā cầm một giỏ hoa trong tay, đứng nhìn từ cánh cửa lầu thượng và không hài lòng về một chàng trai nào cả.

Lúc ấy, Ajjuna, Nakula, Bhīmasena, Yudhiṭṭhila, Sahadeva, thuộc dòng Vua Paṇḍu, là năm hoàng tử của vua này, sau khi học tập đủ các học thuật tại Takkaṣilā với một vị giáo sư lừng danh thế giới, đang lãng du đây đó với ý định

tìm hiểu thông suốt các phong tục địa phương và vừa đến Ba-la-nại. Khi nghe tin loan báo vang dậy khắp kinh thành, và hỏi thăm để biết chuyện gì đang xảy ra, họ liền đến đứng cả năm người thành một hàng, trông hình dáng như năm pho tượng bằng vàng. Thoạt nhìn thấy họ, Kaṇhā say mê luôn cả năm liền ném vòng hoa lên đầu của năm chàng trai khi họ đứng trước mặt nàng và bảo:

– Tâu mẫu hậu, con xin chọn cả năm chàng.

Hoàng hậu trình việc này với vua. Vì vua đã ban cho nàng điều ước nên không thể nói: “Con không được làm việc này”, nhưng lòng vua vô cùng phiền muộn. Tuy thế, sau khi hỏi nguồn gốc năm chàng là con ai, và khi biết đó là con Vua Paṇḍu, vua ngênh tiếp năm chàng vô cùng trọng thể và gả công chúa làm vợ cả năm chàng. Nhờ mãnh lực của dục tình nồng nhiệt, nàng chiếm được tình yêu của năm chàng vương tử trong cung điện bảy tầng của nàng.

Bấy giờ, nàng có một kẻ hầu cận vừa gù vừa què và dù nàng đã chiếm trọn con tim của năm vương tử, nhưng ngay khi năm chàng ra khỏi cung, nàng tìm được cơ hội và bị lửa dục nung nấu nên đã phạm tội lỗi với gã nô lệ lưng gù kia.

Trong khi trò chuyện với gã, nàng nói:

– Không có ai được ta yêu quý bằng chàng. Ta sẽ giết năm vương tử này và lấy máu từ cổ họ xoa vào đôi chân chàng.

Khi nàng bầu bạn với vị thái tử trong năm vị kia, nàng thường bảo:

– Chàng thân yêu đối với thiếp hơn bốn chàng kia. Vì chàng, thiếp sẽ hy sinh cả đến tính mạng mình. Khi phụ vương băng hà, thiếp sẽ trao quốc độ cho riêng chàng.

Nhưng khi bầu bạn với các chàng kia, nàng cũng làm y hệt như vậy. Các chàng vô cùng đẹp lòng vì nàng và suy nghĩ: “Nàng thương yêu ta và nhờ đó vương vị này sẽ thuộc về ta.”

Một hôm, nàng bị bệnh, họ tụ tập quanh nàng, một người xoa đầu, kẻ xoa tay chân, trong khi gã nô lệ ngồi dưới chân nàng. Với vị Vương tử Ajjuna đang xoa đầu nàng, nàng lấy đầu ra hiệu ngầm bảo: “Không ai được thiếp thương yêu hơn chàng. Bao lâu thiếp còn sống, thiếp sẽ sống vì chàng và khi phụ vương từ trần, thiếp sẽ trao vương quốc cho chàng” và thế là nàng chiếm trọn tim chàng.

Đối với các người kia, nàng cũng làm dấu bằng tay chân với ý nghĩa như vậy. Nhưng đối với gã gù lưng, nàng làm dấu bằng lưỡi với ngụ ý: “Chỉ có chàng là người duy nhất được ta yêu quý. Ta chỉ sống vì chàng.”

Nhờ những điều nàng đã nói trước kia, tất cả bọn họ đều hiểu các dấu hiệu này có ý nghĩa gì. Nhưng trong khi mỗi người nhận ra dấu hiệu dành riêng cho mình, Vương tử Ajjuna vừa thấy các dấu hiệu tay, chân và lưỡi ấy liền suy nghĩ: “Trong trường hợp ta cũng như với các người khác, chắc phải có điều gì đó nàng muốn chứng tỏ bằng dấu hiệu kia, vậy đối với gã lưng gù này hẳn cũng có một thân tình nào đây.” Thế rồi vừa đi ra ngoài với các em, chàng hỏi:

– Các hoàng đệ có thấy công chúa năm chồng này làm dấu với ta bằng đầu nàng chăng?

– Thừa vâng, có thấy.

– Các em có hiểu ý nghĩa của nó chăng?

– Thừa không.

– Ý nghĩa của nó là như vậy, như vậy. Thế các em có biết ý nghĩa dấu hiệu bằng tay chân của nàng với các em chăng?

– Thừa vâng, chúng em có biết.

– Nàng cũng làm dấu cho ta như vậy. Thế các em có biết ý nghĩa dấu hiệu nàng bảo gã lưng gù bằng lưỡi chăng?

– Chúng em không biết.

Chàng liền bảo họ:

– Nàng cũng phạm tội với gã đó.

Vì họ không tin chàng, chàng bảo gã lưng gù đến và hỏi gã, gã liền kể cho chàng mọi chuyện. Khi họ nghe gã nói, họ đều mất hết lòng say mê đối với nàng và bảo nhau:

– Ôi, rõ ràng giống đàn bà thật xấu xa tội lỗi! Vừa rời khỏi các nam nhi như chúng ta vốn quý tộc cao sang và đầy đủ phúc phận, nàng đã phạm tà hạnh với một gã lưng gù góm ghiếc, đáng ghê tởm như thế này. Ai có trí tuệ lại ham thích kết duyên với nữ nhi vô sỉ, gian tà như vậy?

Sau khi lần lượt phi báng nữ nhân như trên, năm vương tử suy nghĩ: “Chúng ta đã chán chê đời sống vợ chồng rồi.” Các vị lui về ở ẩn tại vùng Tuyết Sơn, và sau khi đã thành tựu pháp môn thiền định đề mục biến xứ, lúc mạng chung, các vị đi theo nghiệp của mình.

Chim chúa Kuṇāla là Vương tử Ajjuna, chính vì lý do ấy, khi nêu ra điều gì bản thân đã thấy, chim ấy đều bắt đầu câu chuyện với lời: “Ta đã thấy.” Khi kể lại những việc khác mà chim ấy đã thấy thời xưa, chim ấy cũng dùng những lời ấy.

CHUYỆN NỮ KHỔ HẠNH SACCATAPĀVĪ

Sau đây là phần giải thích chuyện thứ hai được nêu ra ở phần khởi đầu:

Ngày xưa, tương truyền có một nữ khổ hạnh bạch y tên là Saccatapāvī xây một thảo am ở một nghĩa địa gần Ba-la-nại. Trong lúc sống ở đây, cô nhịn luôn bốn bữa ăn trong số năm bữa; khắp kinh thành, danh tiếng của cô sáng chói gần xa chẳng khác nào đôi vàng nhật nguyệt. Dân chúng thành Ba-la-nại nếu có hắt hơi hay vấp ngã đều bảo: “Cầu phúc cho Saccatapāvī!”

Bấy giờ, vào ngày đầu một lễ hội, một số thợ vàng dựng lều tại một nơi dân

chúng tụ tập và đem theo cá, thịt, rượu mạnh, dầu thơm, tràng hoa, v.v... rồi bắt đầu tiệc rượu say sưa. Lúc ấy, một gã thợ vàng nghiện rượu đang lúc nôn tháo đã kêu lên: “Cầu phúc cho Saccatāpāvī!” Có người khôn ngoan trong bọn họ bảo:

– Ôi, thật là điên rồ mù quáng, chú đang tôn trọng một nữ nhân tính khí thay đổi bất thường. Chú thật là đồ điên!

Gã đáp:

– Này bạn, đừng nói vậy, nếu không sẽ phạm tội đọa vào địa ngục đấy.

Người khôn ngoan liền bảo:

– Đồ điên, hãy cầm mồi lại! Hãy đánh cuộc với ta một ngàn đồng vàng. Trong bảy ngày kể từ nay, cứ ngồi tại chính nơi đây, ta sẽ giao tận tay chú cô Saccatāpāvī phục sức diễm lệ cùng liên hoan rượu mạnh và ta cũng sẽ say sưa đánh chén với cô ấy. Bọn nữ nhi đều tính tình bất định như thế.

Gã kia đáp:

– Bạn không thể có khả năng làm việc ấy đâu.

Và gã đánh cuộc một ngàn đồng vàng. Thế rồi, thông báo với những người thợ vàng kia xong, sáng sớm hôm sau, người khôn ngoan giả dạng một vị khổ hạnh tiên vào nghĩa địa, không xa nơi cô cư ngụ và đứng chiêm bái mặt trời. Cô thấy người ấy lúc bắt đầu đi khát thực và suy nghĩ: “Chắc chắn đây là một vị khổ hạnh có thần thông. Ta ở một bên nghĩa địa, còn ngài ở ngay chính giữa. Tâm ngài chắc hẳn thuần tịnh như bậc Thánh. Ta muốn tỏ lòng ngưỡng mộ ngài.”

Thế là cô đến gần người ấy đánh lễ, nhưng anh ta không nhìn cũng không nói gì. Ngày hôm sau, anh ta cũng cứ làm như vậy. Nhưng qua ngày thứ ba, khi cô đánh lễ, anh ta nhìn xuống và bảo:

– Hãy đi ngay!

Qua ngày thứ tư, anh ta ân cần nói với cô:

– Cô đi khát thực có mệt nhọc chăng?

Cô nghĩ thầm: “Ta đã được chào hỏi ân cần rồi” và hoan hỷ ra đi. Ngày thứ năm, cô lại nhận được một lời chào hỏi ân cần hơn và sau khi ngồi nghỉ chốc lát, cô đánh lễ anh ta và ra đi. Vào ngày thứ sáu, cô lại đến đánh lễ anh ta khi anh ta ngồi đó. Anh ta nói:

– Này hiền muội, có tiếng gì ồn ào, ca nhạc vang lừng ở Ba-la-nại hôm nay thế?

Cô đáp:

– Bạch Thánh giả, ngài không biết có mở lễ hội trong thành và đây là tiếng những người đang liên hoan tại đó ư?

Giả vờ không biết, anh ta bảo:

– Phải, chắc đây là tiếng ồn ta nghe được.

Rồi anh ta lại hỏi:

- Này hiền muội, cô nhịn ăn bao nhiêu bữa?
- Bạch Thánh giả, bốn bữa. Còn Thánh giả nhịn bao nhiêu bữa?
- Này hiền muội, bảy bữa.

Nhưng đó là lời nói dối vì anh ta thường ăn suốt ngày đêm. Rồi anh ta lại hỏi:

- Cô đã thọ giới bao nhiêu năm?

Cô nói:

- Mười hai năm. Thế Thánh giả xuất gia bao lâu?

Anh ta đáp:

- Đây là năm thứ sáu.

Rồi anh ta lại hỏi:

- Này hiền muội, cô đã đạt đến sự thanh tịnh của bậc Thánh chưa?
- Bạch Thánh giả, chưa. Còn Thánh giả?

Anh ta đáp:

– Chúng ta đều chưa đạt cả. Này hiền muội, chúng ta không hưởng thọ dục lạc, cũng không thành tựu viễn ly lạc. Vậy thì địa ngục nóng bỏng có nghĩa gì với chúng ta chứ? Chúng ta hãy theo con đường của đại chúng đi. Ta sẽ trở thành gia chủ và vì ta có sẵn tài sản của mẹ ta, ta sẽ chẳng thiệt hại gì cả.

Khi nghe anh ta nói và do thiếu tịnh tín bất động, cô đem lòng say mê anh ta liền nói:

– Thưa ngài, tiện nữ cũng thấy tâm bất mãn, nếu ngài không từ chối, thiếp xin theo về ở nhà cùng ngài.

Anh ta đáp ngay:

- Ta không từ chối cô đâu, cô sẽ là vợ ta.

Sau đó, anh ta đưa cô ta về thành và sống chung với cô ấy. Khi cùng cô đến tửu quán, chính anh ta uống rượu và bảo cô dùng tiệc rượu. Vì thế, gã con trai kia thua cuộc, mất một ngàn tiền vàng, còn cô được người thợ vàng này ban cho các con trai, con gái. Thời ấy, chim Kuṇāla là người thợ vàng và khi kể chuyện này, chim bắt đầu bằng những lời: “Ta đã thấy.”

Chuyện thứ ba là một cổ tích được kể đầy đủ trong *Chuyện Hoàng hậu Kākātī* thuộc chương IV.²⁷ Vào thời ấy, Kuṇāla là chim Garuḷa (Kim Sí điều) và vì lý do này, khi chứng minh điều gì thấy tận mắt, chim ấy bắt đầu bằng lời: “Ta đã thấy.”

²⁷ Xem J. III. 91, *Kākātijātaka* (Chuyện Hoàng hậu Kākātī), số §327.

CHUYỆN CÔNG CHÚA KURAṄGAVĪ

Trong chuyện thứ tư, một thuở nọ, Vua Brahmadatta giết vua xứ Kosala và chiếm quốc độ, cướp hoàng hậu đang có thai. Vua trở về Ba-la-nại, và dù biết rõ tình trạng của bà, vua vẫn phong bà làm hoàng hậu. Đến kỳ khai hoa nở nhụy, bà sinh một hoàng nam giống như một bức tượng vàng ròng.

Bà suy nghĩ: “Khi con ta lớn lên, vua xứ Ba-la-nại sẽ bảo: ‘Nó là con trai của kẻ thù ta. Nó có nghĩa gì với ta đâu!’ Và sẽ giết nó. Nhưng không, ta không thể để con ta chết vì tay kẻ thù.” Vì thế, bà bảo nhũ mẫu:

– Này chị, hãy lấy vải thô quần hài nhi này và đi quẳng vào nhà xác!

Nhũ mẫu làm theo lời bà và sau khi tắm rửa xong liền về nhà.

Còn vua xứ Kosala, sau khi từ trần, tái sinh làm vị thần hộ mạng hài nhi ấy và do thần lực xui khiến, một con dê cái của một mục tử đang nuôi đàn dê ở vùng này, thấy đứa bé liền đem lòng thương yêu, cho nó bú sữa xong đi quanh quần một lát rồi trở về hai, ba hoặc cả bốn lần để cho nó bú.

Người chăn dê thấy con dê đi quanh đó liền đến nơi, thấy đứa bé cũng đem lòng thương yêu và ẵm nó về cho vợ. Bấy giờ, bà vợ không có con nên không có sữa cho bú, vì thế con dê cái tiếp tục cho nó bú.

Từ hôm ấy, cứ mỗi ngày đều có hai, ba con dê chết. Người chăn dê suy nghĩ: “Nếu đứa bé này được ta tiếp tục chăm sóc thì tất cả đàn dê đều chết. Nó có nghĩa gì với ta chứ!” Sau đó, y đặt nó vào một nồi đất, đẩy lên một cái nắp và thoa lên mặt nó đầy bột đậu không chứa một kẽ hở nào rồi thả nó xuống sông.

Đứa bé do dòng nước cuốn trôi đến bờ thấp gần cung vua thì được một kẻ vá đồ cũ hạ đẳng trông thấy khi đang đứng rửa mặt với vợ. Y vội vàng chạy đến kéo cái nồi ra khỏi nước và đặt trên bờ. Y suy nghĩ: “Ta lấy được cái gì đây?” Vừa mở nồi ra, y liền thấy đứa bé. Vợ y cũng không có con nên sinh lòng thương yêu nó, vì thế bà đem nó về nhà săn sóc.

Khi đứa bé lên bảy, tám tuổi, cha mẹ nó thường đem nó theo mỗi khi đến cung vua. Lúc được mười sáu tuổi, chàng trai thường đến cung vua để vá đồ cũ. Vua và hoàng hậu có một công chúa tên Kuraṅgavī, là một cô gái nhan sắc phi thường. Từ lúc nàng trông thấy chàng trai, nàng đem lòng luyện ái chàng và không còn để ý đến ai nữa, nàng thường đi đến nơi chàng làm việc. Do thường xuyên gặp gỡ nhau, họ say mê lẫn nhau và lén lút phạm tà hạnh trong ngục viên. Dần dần, bọn thị nữ tâu lên vua cha chuyện ấy. Vua nổi trận lôi đình, triệu tập các cận thần lại phán:

– Tên hạ đẳng này đã phạm các tội như vậy, như vậy. Các khanh xem phải làm gì để trị nó đi!

Các cận thần tâu:

– Tội nó nặng lắm, sau khi buộc nó chịu mọi hình phạt, ta phải xử tử nó.

Thuở ấy, cha của chàng trai là vua xứ Kosala đã trở thành vị thần hộ mạng của chàng liền nhập vào thân mẹ chàng nên nhờ thần lực ấy, bà đến gần vua và thừa:

– Tâu Đại vương, chàng trai này không phải là kẻ hạ đẳng đâu. Nó là con trai thiếp sinh ra với vua xứ Kosala. Thiếp đã nói dối Đại vương khi bảo rằng con thiếp đã chết. Vì biết rằng nó là con trai kẻ thù của Đại vương nên thiếp đã sai một nhũ mẫu đem nó bỏ vào nhà xác. Sau đó, một người chăn dê chăm sóc nó, nhưng khi cả bầy dê bắt đầu chết, y đã thả nó xuống sông và do dòng nước cuốn đến đây, nó được kẻ hạ đẳng vá đồ cũ trong cung này tìm thấy và nuôi nấng. Nếu Đại vương không tin thiếp, xin cứ gọi những kẻ này vào và hỏi họ.

Vua triệu những người ấy vào, bắt đầu với nhũ mẫu, khi chất vấn, biết rõ các sự kiện do bà kể, vua rất hân hoan thấy chàng trai thuộc dòng quý tộc liền ra lệnh cho chàng đi tắm rửa, trang điểm thật lộng lẫy và gả công chúa cho chàng. Thuở ấy, do việc chàng đã gây ra cái chết của đàn dê, chàng được đặt tên Eḷakamāra (bà thuốc giết dê).

Sau đó, vua giao cho chàng xe cộ, một đạo quân và bảo chàng lên đường:

– Hãy đi làm chủ quốc độ của phụ vương con ngày trước!

Vì thế, chàng ra đi cùng với Kuraṅgavī và được tôn lên ngôi báu. Lúc ấy, vua xứ Ba-la-nại suy nghĩ: “Con ta chẳng được học hành gì cả” nên truyền Chālaṅga đến làm thầy dạy chàng các môn học thuật. Khi nhận vị này làm Sư trưởng, chàng lại phong ông chức Đại tướng. Dần dà, Kuraṅgavī thông gian với ông. Vị đại tướng có một quan hầu cận tên Dhanantevāsī và ông nhờ kẻ ấy trao các món y phục cùng nữ trang khác cho Kuraṅgavī, nàng cũng thông gian với kẻ ấy.

– Bọn ác nữ nhân thật là hư hỏng, vô đạo như vậy nên ta không thể tán dương họ.

Bậc Đại sĩ dạy điều này khi ngài kể một chuyện quá khứ, vì thuở ấy, ngài là Chālaṅga, do đó sự kiện ngài kể là một việc chính mắt ngài thấy.

CHUYỆN VƯƠNG HẬU XỨ KOSALA

Trong chuyện thứ năm này, có một thời vua xứ Kosala chiếm quốc độ Ba-la-nại và phong bà chánh hậu đang có thai của vua ấy lên ngôi chánh cung rồi trở về kinh đô của mình. Về sau, bà sinh ra một vương tử. Vì không có con riêng của mình nên vua rất yêu quý hài nhi và truyền dạy bảo cho chàng mọi môn học thuật. Khi chàng trưởng thành, vua cha truyền chàng đi làm chủ quốc độ thuộc quyền của cha chàng thuở trước. Chàng ra đi ngự trị xứ ấy. Sau đó, mẫu hậu chàng bảo bà nhớ con trai liền xin phép vua xứ Kosala khởi hành đến Ba-la-nại cùng một đoàn hộ tống đông đảo và trú chân ở một thị trấn giữa hai

nước. Tại đây, có một thanh niên Bà-la-môn tuấn tú tên gọi Pañcālacaṇḍa đem dâng hoàng hậu một tặng vật. Vừa thấy kẻ ấy, bà liền say mê và phạm tà dục với y.

Sau khi ở lại đó vài ngày, bà đến Ba-la-nại thăm hoàng tử. Lúc trở về, bà lại trú chân ở tại thị trấn nọ và sau nhiều ngày thông gian với tình nhân, bà trở về Kosala. Chẳng bao lâu sau, bà lấy cớ này cớ nọ đề đi thăm con, bà xin phép vua và đến ở nửa tháng trong thị trấn kia để thông gian với tình nhân.

– Bọn nữ nhi đầy tội lỗi và giả dối như vậy đó.

Trong khi kể chuyện quá khứ này, ngài bắt đầu với những lời: “Chuyện này cũng có ý nghĩa ấy.”

Về sau, với nhiều cách biểu lộ sự khéo léo trong khi thuyết pháp, ngài nói:

– Nay hiền hữu Puṇṇamukha, có bốn thứ tỏ ra tai hại khi gặp hoàn cảnh, ta bảo bốn thứ này không được đặt vào nhà lảng giềng, đó là: Bò đực, bò cái, cỗ xe và vợ. Một người có trí không nên để bốn loại phương tiện này lìa khỏi nhà mình.

Ở đây, còn có thêm lời nói rằng:

296. Chớ cho hàng xóm mượn bò xe,
Chớ gửi vợ ta đến bạn bè,
Bò đực chết vì làm quá độ,
Phá xe vì chúng thiếu tay nghề,
Sữa bò cái vắt cho khô cạn,
Vợ đến bà con hồng thói lè.

Nay hiền hữu Puṇṇamukha, có sáu thứ không có lợi ích khi có công việc phải làm:

297. Chẳng có ích gì, những lúc cần,
Cây cung nhưng chẳng có dây cung,
Thuyền ở bờ kia, xe gãy trục,
Vợ nhà đang sống chỗ bà con,
Bè bạn khi cần ở chốn xa,
Cộng sự cận kề, người xấu ác.

Nay hiền hữu Puṇṇamukha, thật vậy, có tám duyên có khiến đàn bà khinh bỉ chồng, đó là: Do nghèo khó, bệnh tật, già cả, nghiện rượu, ngu đần, phóng túng, bôn ba đủ mọi thứ việc, xao lãng bốn phận đối với vợ. Thật vậy, đàn bà khinh bỉ chồng mình vì tám duyên có ấy.

Ở đây lại thêm vắn kệ này:

298. Bệnh, nghèo, già, nghiện rượu, buông lung,
Việc quá bôn ba, hoặc độn đần,
Hoặc thấy chồng không lo bốn phận,
Vợ thường chẳng trọng đáng phu quân.

Thật vậy, do chín nguyên nhân này, một nữ nhân phạm lỗi lầm: Nàng thích lui tới các công viên, vườn hoa, bờ sông, thích thăm viếng nhà bà con, hoặc người xa lạ, ham mê trang điểm trang phục tốt đẹp nhất, hoặc nàng nghiện rượu mạnh, ưa nhìn quanh quẩn bên mình, hoặc đứng tựa cửa; thì này ta bảo do chín duyên có này, một nữ nhân phạm lỗi lầm.

Ở đây lại thêm vắn kệ này:

- 299.** Đàn bà ưa mặc áo quần sang,
Nghiện rượu, rong chơi, dạ vẫn ham,
Vườn cảnh, công viên, trên bến nước,
Đến nhà người lạ hoặc thân bằng.
- 300.** Nàng thường đến đứng bên khung cửa,
Lơ đãng nhìn quanh quẩn mặt đàng.
Theo chín cách này hư hỏng sớm,
Lạc xa đường đức hạnh hiền lương.

Thật vậy, này hiền hữu Puṇṇamukha, nữ nhân làm xiêu lòng nam nhi bằng bốn mươi cách khác nhau: Nàng uốn người lên, nàng cong người xuống, nàng nhảy tung tăng, nàng làm vẻ e thẹn, nàng lấy móng tay này gõ móng tay kia, nàng đặt chân này lên chân kia, nàng lấy que cào mặt đất, nàng tung chàng trai lên rồi hạ xuống, nàng nô đùa và khiến chàng trai nô đùa, nàng hôn chàng và bảo chàng hôn nàng, nàng ăn và cho chàng ăn, nàng trao tặng, hoặc cầu xin vật gì đó, nàng nhại lại những gì chàng làm, nàng nói giọng trầm, nàng nói giọng bổng, nàng nói chuyện cởi mở, nàng nói có vẻ bí mật, nàng cười cợt lời cuốn chàng bằng múa, ca, đàn địch, bằng những giọt nước mắt, hay cách làm dáng, hoặc vói áo quần lỏng lẩy, hay nhìn chờ đợi, nàng lắc hông, hay lắc bộ phận kín của người nữ, khoe đùi ra, hoặc che đùi lại, nàng khoe ngực, khoe nách, khoe rốn, nàng nhắm mắt, nàng nhướn mày, nàng mím môi, nàng lè lưỡi, nàng thả lỏng xiêm y, hay kéo sát xiêm y, nàng buông lơ khăn trùm đầu, hay quấn chặt khăn trùm đầu. Quả thật nàng lôi cuốn nam nhi bằng bốn mươi cách này.

Thật vậy, này hiền hữu Puṇṇamukha, một nữ nhân hư đồn được biết rõ qua hai mươi lăm cách khác nhau: Nàng ca ngợi việc chồng nàng vắng mặt, nàng không nhớ khi chồng đi xa, nàng chẳng thích chồng trở về, nàng chê bai chồng, nàng không lên tiếng khen chồng, nàng làm thương tổn chồng, nàng không làm lợi ích chồng, nàng làm những việc có hại cho chồng, nàng không muốn làm gì giúp đỡ chồng, nàng mặc cả xiêm y lúc đi ngủ, nàng nằm ngoảnh mặt làm ngơ chồng, nàng lẩn lóc qua lại gây chuyện âm ỉ, nàng thờ dài sườn sượt, nàng kêu đau nhức mình mẩy, nàng thường hay đi tiểu tiện, nàng hay chống đối, hễ nghe tiếng người lạ nàng lắng tai nghe chăm chú, nàng phung phí tài sản của chồng, nàng giao du thân mật với bạn hàng xóm, nàng hay đi lang thang ra ngoài thơ thẩn dạo phố, nàng phạm tội ngoại tình, vì khinh bỉ chồng mà nàng có nhiều tư tưởng xấu xa trong lòng, nàng hay đứng nơi cửa, nàng hở bày ngực

cùng tay chân và nách, nàng đi khắp nơi trông ngóng. Quả thật, này hiền hữu Puṇṇamukha, một nữ nhân hư hỏng được biết qua hai mươi lăm cách này.

Và đây lại thêm các vần kệ cảm thán:

301. Đồng tình sự vắng mặt phu quân,
Chàng bước ra đi chẳng nỡ lòng,
Dạ chẳng vui mừng chàng trở lại,
Chẳng bao giờ tán thán công chồng,
Đây là dấu hiệu nêu cho rõ,
Lề thói thông thường ác nữ nhân.
302. Bất tuân, tính kẻ hại phu quân,
Làm việc không nên, bỏ lợi chồng,
Mặt ngoảnh đi, nàng nằm xuống ngủ,
Bên chàng xiêm áo phủ hoàn toàn,
Đây là dấu hiệu nàng hư đốn,
Chắc chắn lộ ra thật rõ ràng.
303. Trần trọc, chẳng nằm một lát yên,
Thở dài sườn sượt, lại kêu rên,
Hoặc nàng cứ giả vờ đau bụng,
Như muốn tiểu, nàng vẫn đứng lên,
Các dấu hiệu này người thấy rõ,
Tính tình của phụ nữ hư hèn.
304. Độc ác trong hành động của nàng,
Nàng làm những việc phải can ngăn;
Nghe lời người lạ cầu ân huệ,
Tài sản chồng, nàng thật phí hoang,
Để được ngoại tình là dấu hiệu,
Mọi người thấy rõ tính tà gian.
305. Bạc vàng góp nhặt bởi công chồng,
Đồ đạc chất đầy thật khổ thân,
Nàng phí phạm nhanh, cùng lối xóm,
Nàng thân mật quá độ, dần dần,
Chính nhờ dấu hiệu này ta biết,
Tính nét gian tà của nữ nhân.
306. Hãy ngắm nàng đi dạo phố phường,
Phũ phàng đối xử với phu quân,
Khinh khi thô lỗ nhất trần thế,
Chẳng ngớt ngoại tình, loạn trí tâm,
Nhờ dấu hiệu này ta thấy rõ,
Bọn hồng quần quả thật tà gian.

307. Nàng vẫn đứng ngay trước cửa nhà,
Coi thường mọi phép tắc đoan trang,
Khoe thân trợ trên cho hành khách,
Buồn bực nhìn quanh quẩn mọi phương,
Các dấu hiệu này cho thấy rõ,
Thói tà gian của bọn hồng quần.
308. Như rừng cây được gỗ làm thành,
Như các dòng sông chảy uốn quanh,
Vậy cứ tạo thời cơ thuận tiện,
Nữ nhân đều lạc lối vô minh.
309. Tạo nơi kín đáo, hợp thời cơ,
Con đường đức hạnh phải rời xa,
Nữ nhân tất cả đều hư đồn,
Nếu có chốn nơi, lại đứng giờ,
Ví các tình nhân kia chẳng đến,
Chúng liền phạm tội với tên gù.
310. Đàn bà phục vụ thú đàn ông,
Chớ một ai tin bọn nữ nhân,
Lòng dạ chúng thường thay đổi mãi,
Dục tham chúng lại cứ buông lung.
Nữ nhân xứng gọi người cầu lạc,
Hèn mặt nhất trong đám hạ tầng,
Chúng vẫn giống như là bեն тэм,
Thường chung chạ với mọi nam nhân.

CHUYỆN VƯƠNG HẬU KINNARĀ

Ngày xưa tại Ba-la-nại, có vị vua tên là Kaṇḍari rất khôi ngô tuấn tú. Hằng ngày, các cận thần đem đến dâng một ngàn hộp nước hoa. Với nước hoa này, họ làm cho cung điện thật cao sang thanh lịch. Sau đó, họ chẻ các hộp ấy nhóm lửa thơm ngát và nấu thức ăn với lửa ấy.

Bây giờ, vương hậu là một nữ nhân diễm lệ có tên Kinnarā và vị tể sư của vua là Pañcālacaṇḍa cùng tuổi với vua và rất thông tuệ. Phía trong bức tường cạnh cung vua có một cây hồng đào, cành lá sà xuống tận bức tường và một tên què dị dạng góm ghiếc sống ở dưới bóng cây ấy.

Một hôm, Vương hậu Kinnarā nhìn ra cửa sổ thấy gã liền đem lòng say mê gã. Ban đêm, sau khi đã chiếm được sự sủng ái của vua nhờ các tài quyền rũ của bà, vừa khi vua ngủ say, bà thường rón rén đứng dậy sắp đặt mọi thứ cao lương mỹ vị vào một cái bát bằng vàng và đeo nó bên hông, bà hoàng đu mình qua cửa

sỏ nhờ một sợi dây vải, trèo lên cây hồng đào và buông mình xuống bằng một nhánh cây, bà đưa cao lương mỹ vị cho gã què ăn rồi giao hoan với gã xong bà lại trèo lên cung điện theo cách bà đã đi xuống. Sau khi tắm gội toàn thân bằng nước hương, bà liền nằm xuống bên cạnh vua. Theo cách này, bà thường xuyên phạm tà hạnh với gã què mà vua không biết gì cả.

Một ngày kia, sau một lễ hội oai nghi diễu quanh kinh thành, vua đi vào cung chợt thấy tên què kia, một sinh vật đáng thương đang nằm dưới bóng cây hồng đào và vua bảo vị tể sư:

– Khanh hãy nhìn con ma trên đất này.

– Tâu Đại vương, truyền việc gì chẳng?

– Nay hiền hữu, có thể nào một nữ nhân bị dục tình kích động lại muốn đến gần một sinh vật đáng ghê tởm như thế này chẳng?

Nghe lời vua phán, gã què tràn đầy kiêu mạn suy nghĩ: “Vua này nói gì thế? Có lẽ vua không biết tí nào về việc hoàng hậu đến thăm ta.” Rồi chấp hai tay về phía cây hồng đào, gã la to:

– Tâu vị thần hộ mạng cây này, trừ ngài ra, không ai biết chuyện ấy cả.

Vị tể sư thấy hành vi của gã, nghĩ thầm: “Chắc chắn chánh hậu của vua nhờ cây này giúp đi xuống phạm tà hạnh với gã.” Vì thế, vị ấy tâu với vua:

– Tâu Đại vương, ban đêm Đại vương tiếp xúc với thân thể chánh hậu thì thấy như thế nào?

Vua đáp:

– Ta không nhận thấy gì cả. Song vào canh giữa thân thể bà lạnh lắm.

– Thế thì tâu Đại vương, dù trường hợp các nữ nhân khác ra sao đi nữa, Chánh hậu Kinnarā cũng đã thông gian với gã kia.

– Hiền hữu nói gì thế này? Lẽ nào một nữ nhân diễm lệ thế kia lại hành lạc cùng với con vật gớm ghiếc này ư?

– Vậy thì tâu Đại vương, ta thử tìm chứng cứ chuyện này.

Nhà vua bảo:

– Trẫm chấp thuận.

Và sau buổi cơm tối, vua nằm xuống cạnh bà để thử việc kia. Vào giờ ngủ như thường lệ, vua giả vờ ngủ say và bà cũng hành động như trước. Vua muốn theo dõi bước chân bà liền đứng nấp trong bóng cây hồng đào. Tên què đang giận dữ với bà và bảo:

– Tối nay nàng đến chậm quá.

Rồi gã lấy tay đánh vào chiếc vòng tai của bà, vì thế bà đáp:

– Xin lang quân chớ giận. Thiếp phải chờ nhà vua ngủ say đã chứ.

Nói vậy xong, bà làm mọi việc như thể đóng vai một người vợ trong nhà gã què. Nhưng khi gã đánh bà, chiếc vòng tai có hình đầu sư tử rời khỏi tai bà

rớt xuống chân vua. Nhà vua nghĩ thầm: “Chính cái này sẽ là vật tuyệt diệu cho ta.” Rồi vua lượm chiếc vòng giấu đi. Sau khi phạm tà dục với tình nhân, bà trở về như trước và đi vào nằm cạnh vua. Nhà vua khước từ mọi điều bộ gọi tình của bà. Ngày hôm sau, vua truyền lệnh:

– Hoàng hậu Kinnarā phải đến châu và mang theo mọi món trang sức trầm đã ban.

Bà đáp:

– Món nữ trang có hình đầu sư tử của ta đang để ở tiệm vàng.

Và bà từ chối đi diện kiến. Khi lệnh vua ban ra lần thứ hai, bà đến với một chiếc hoa tai độc nhất. Nhà vua hỏi:

– Hoa tai kia của khanh đâu?

– Ở chỗ người thợ vàng.

Vua truyền người thợ vàng đến, phán:

– Tại sao ngươi không để hoàng hậu đeo hoa tai?

– Tâu Đại vương, hạ thần không giữ hoa tai ấy.

Nhà vua nổi cơn thịnh nộ, bảo:

– Này con tiện tỳ hư đốn kia, gã thợ vàng của ngươi chắc hẳn là một người giống như ta.

Nói vậy xong, vua ném chiếc hoa tai ấy xuống trước mặt bà và bảo vị tế sư:

– Này hiền hữu, khanh đã nói đúng, hãy đi bảo chém đầu nó ngay!

Vị ấy liền đem bà giấu ở một nơi an toàn trong cung và đến tâu trình vua:

– Tâu Đại vương, xin chớ giận Hoàng hậu Kinnarā, mọi nữ nhân đều như vậy cả. Nếu Đại vương muốn thấy bọn nữ nhân vô đạo ra sao, hạ thần sẽ chỉ cho Đại vương thấy tính gian tà và lừa dối của chúng. Vậy ta hãy cải trang và vi hành xuống thôn quê.

Nhà vua sẵn sàng chấp thuận, giao vương quốc cho mẫu hậu rồi lên đường ngao du với vị tế sư. Khi hai vị đã đi một do-tuần và ngồi bên đường cái thì một phú gia nọ đang mở hội rước dâu cho con trai, đã đặt cô dâu ngồi vào một cỗ xe đóng kín và hộ tống nàng với một đoàn tùy tùng rầm rộ. Khi thấy đám rước này, vị tế sư nói:

– Nếu Đại vương muốn, ngài có thể làm cho cô gái này thông gian với ngài.

– Này hiền hữu, khanh nói gì thế? Với cả đoàn tùy tùng rầm rộ này, làm sao có chuyện ấy được?

– Vậy thì xin Đại vương hãy nhìn đây.

Rồi tiến lên phía trước, ông dựng lên một bức màn giống như một túp lều không xa đường cái, để vua ở trong màn, còn chính ông ngồi bên đường khóc lóc. Lúc ấy, vị phú ông thấy vậy liền hỏi:

– Tại sao hiền hữu khóc?

Ông đáp:

– Tiện nội đang thai nghén nặng nề nên tiểu đệ lên đường đưa nàng về nhà mẹ, đang lúc đi đường nàng lên cơn đau đớn khổ sở trong bức màn kia và nàng lại không có người phụ nữ nào ở bên nàng, còn tiểu đệ thì không thể vào đó với nàng được. Tiểu đệ không biết việc sẽ ra sao nữa.

– Nàng phải có một người đàn bà ở bên cạnh. Thôi đừng khóc nữa. Ở đây có nhiều đàn bà lắm, một người trong bọn sẽ đến với nàng.

– Vậy thì xin để tiểu thư này vào. Đây sẽ là điềm lành cho tiểu thư.

Phụ ông nghĩ thầm: “Người kia nói đúng đấy. Đây sẽ là việc lành cho con dâu ta. Nó sẽ được phước sinh ra vô số con trai, con gái.” Rồi ông đưa nàng vào trong đó. Vừa bước vào màn, thoát trông thấy vua, nàng đã say mê và phạm tà hạnh với vua, rồi vua tặng nàng một chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng của mình.

Khi việc ấy đã xong và nàng bước ra khỏi lều, chúng bạn hỏi:

– Bà ấy sinh con gì thế?

– Một cậu trai sắc vàng óng!

Thế rồi vị phụ ông đem nàng đi mất. Vị tế sư đến gặp nhà vua và nói:

– Tâu Đại vương, ngài vừa thấy ngay cả một thiếu nữ cũng đã hư hỏng như vậy. Còn nói gì các nữ nhân khác càng hư hỏng đến đâu. Xin Đại vương cho biết ngài có ban nàng vật gì không?

– Có, ta ban nàng chiếc nhẫn có tín hiệu riêng của ta.

– Hạ thần quyết không cho nàng giữ vật ấy đâu.

Ông liền vội vã chạy theo bắt kịp chiếc xe và khi bọn họ hỏi:

– Thế này là nghĩa lý gì?

Ông đáp:

– Cô tiểu thư này ra đi với chiếc nhẫn mà tiện nội Bà-la-môn đặt trên gối của nàng, vậy tiểu thư hãy trả chiếc nhẫn lại đi.

Khi trao nhẫn lại, nàng cào vào tay vị Bà-la-môn và nói:

– Hãy cầm lấy, quân đêú giả!

Như vậy, vị Bà-la-môn này dùng đủ mọi cách nêu cho vua thấy nhiều nữ nhân khác cũng phạm tà dâm rồi nói:

– Tâu Đại vương, thế này là đủ rồi. Chúng ta sẽ đi nơi khác thôi!

Vua đi khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) và hai vị bảo nhau:

– Tất cả nữ nhân đều giống hệt nhau. Chúng có nghĩa gì với ta đâu. Thôi ta hãy quay về đi!

Thế rồi, hai vị đi thẳng về Ba-la-nại. Vị tế sư nói:

– Tâu Đại vương, mọi nữ nhân đều như thế cả, bản chất của chúng đều gian tà. Xin ngài tha tội cho chánh hậu Kinnarā!

Thế theo lời khẩn cầu của vị tế sư, vua tha tội cho bà, song truyền đuổi bà ra khỏi cung. Khi vua đã tống bà ra khỏi cung rồi, vua chọn một vương hậu khác và truyền lệnh đuổi luôn tên què cùng chặt nhánh cây hồng đào bỏ đi.

Vào thời ấy, chim chúa Kuṇāla là Pañcālacaṇḍa. Vì thế khi kể lại chuyện ngài đã chứng kiến tận mắt, ngài ngâm kệ để chứng minh:

311. Từ chuyện Kinnarā, Kaṇḍari vương,
Có nhiều việc tỏ lộ ra rằng,
Nữ nhân tất cả đều không thấy,
Thích thú trong nhà chúng trú an.
Người vợ bỏ rơi chồng cách ấy,
Dù chồng thăm thiết lại hùng cường,
Vẫn thường đi với đàn ông khác,
Ngay với gã què cũng lạc đường.

CHUYỆN VƯƠNG HẬU PAÑCAPĀPĀ

Đây là một chuyện khác nữa. Ngày xưa, vị vua ở xứ Ba-la-nại mệnh danh là Baka cai trị vương quốc đúng Chánh pháp. Thời ấy, một người đàn ông nghèo khổ sống ở cửa Đông thành Ba-la-nại sinh được một người con gái đặt tên là Pañcapāpā. Chuyện kể rằng, trong một đời quá khứ nàng làm con gái nhà nghèo nhào trộn đất sét để đắp tường. Lúc ấy, một vị Độc Giác Phật suy nghĩ: “Ta phải tìm đất sét ở đâu để đắp hang núi này cho sạch sẽ gọn gàng? Có thể Ta sẽ tìm được ở Ba-la-nại.”

Vị ấy liền đắp y, cầm bình bát trong tay đi vào kinh thành và đứng không xa nữ nhân này. Nàng tức giận nhìn vị ấy, nghĩ thầm: “Trong tâm địa xấu xa của y chắc đang cầu xin cả đất sét lẫn thức ăn.” Vị Độc Giác Phật vẫn đứng bất động. Vì thế, khi nàng thấy vị ấy đứng yên, nàng hồi tâm, nhìn vị ấy một lần nữa và nói:

– Bạch Tôn giả, Ngài chưa có đất sét.

Rồi nàng lấy một cục đất lớn đặt vào bình bát, với cục đất sét này, vị ấy làm cho trong hang được gọn gàng. Và phần thưởng dành cho cục đất sét ấy là thân thể nàng trở nên êm dịu lúc tiếp xúc, nhưng hậu quả của nét mặt giận dữ kia là tay chân, miệng, mắt, mũi nàng trở nên xấu xí dị dạng, vì thế quần chúng biết nàng qua biệt hiệu Pañcapāpā (Ngũ Ác Tật).

Bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại có dịp du hành quanh kinh thành vào ban đêm, khi đi đến chốn này, nàng đang nô đùa với các thôn nữ khác, và vì không biết đó là vua, nàng nắm lấy tay vua. Kết quả việc xúc chạm với nàng làm vua mất hết tự chủ và như thể bị rung động vì xúc chạm với thần tiên, lòng rạo rực dục tình, vua nắm lấy tay nàng mặc dù nàng trông thật xấu xí dị dạng, hỏi nàng là con gái nhà ai. Nàng đáp:

– Con gái một người cư ngụ bên cổng thành.

Và khi nghe nàng chưa có chồng, vua bảo:

– Ta sẽ là chồng nàng. Hãy đi xin phép cha mẹ chấp thuận!

Nàng đến gặp cha mẹ và nói:

– Có một anh chàng muốn cưới con làm vợ.

Khi cha mẹ đồng ý và bảo:

– Chắc người kia cũng nghèo khó tội nghiệp lắm mới muốn cưới cô gái như con.

Nàng đến báo tin cho nhà vua biết cha mẹ nàng đã bằng lòng. Thế rồi, vua ở chung với nàng ngay trong chính nhà ấy và tặng sáng hôm sau lại tìm về cung. Từ hôm ấy, vua thường cải trang đến đó và không còn quan tâm đến bất cứ nữ nhân nào khác.

Bấy giờ, một hôm cha nàng mắc bệnh lên máu. Liều thuốc chữa bệnh cho cha là thường xuyên cung cấp cháo nấu với sữa, lạc, mật ong và đường. Song vì nhà nghèo, họ không thể kiếm đâu ra món ấy. Sau đó, bà mẹ bảo con gái:

– Này con, chồng con có thể kiếm cho ta một ít cháo này chăng?

Nàng đáp:

– Mẹ ơi, chồng con chắc còn nghèo hơn ta nữa; song dù vậy, con cũng sẽ hỏi chàng, mẹ đừng lo gì.

Nói thế xong, vào lúc vua trở về, nàng ngồi xuống như thể đang buồn bực. Khi vua đến hỏi tại sao nàng buồn như vậy và nghe chuyện ấy, vua bảo:

– Này hiền thê, thế khi nào ta sẽ phải đem về món thuốc công hiệu này?

Rồi vua suy nghĩ: “Ta không thể tiếp tục đến đây bằng cách này mãi được, ta phải xem xét nỗi hiểm nguy vì cứ đi tới đi lui như thế này. Song nếu ta đưa nàng về triều, quần thần không biết nàng có được làn da xúc chạm êm dịu, họ sẽ chê nhạt ta và nói: ‘Đức vua đem về một con quỷ cái.’ Còn nếu ta để cho cả kinh thành biết được xúc giác êm dịu ấy của nàng thì ta sẽ gạt bỏ hết mọi lời chê bai chống đối ta.” Vì thế, vua bảo nàng:

– Này ái thê, thôi đừng buồn bực nữa. Ta sẽ đem cho cha nàng một ít cháo ấy.

Nói xong, sau khi hưởng lạc thú cùng nàng, vua trở về cung. Hôm sau vua bảo nấu món cháo như nàng đã tả và lấy lá kết thành hai cái giỏ, một giỏ đựng cháo gạo và trong giỏ kia vua đặt một vương miện bằng ngọc rồi buộc chặt chúng lại. Ban đêm vua đến bảo nàng:

– Này ái thê, chúng ta nghèo lắm. Phải khó khăn vất vả lắm ta mới kiếm được cháo này. Nàng phải dặn cha nàng: “Hôm nay ăn cháo trong giỏ này, ngày mai giỏ kia.”

Nàng làm theo lời dặn. Còn cha nàng, sau khi ăn một ít cháo đã thấy thỏa mãn ngay nhờ các chất bổ dưỡng tăng dần sinh lực, phần còn lại nàng đưa cho

mẹ và chính nàng cũng ăn một phần nên cả ba đều cảm thấy vô cùng sung sướng, còn cái giỏ đựng vương miện bằng ngọc ấy, họ để dành cho nhu cầu hôm sau.

Khi về cung thất, vua rửa mặt và bảo:

– Hãy đem vương miện của trẫm đến đây!

Quần hầu đáp:

– Chúng thần không tìm ra vương miện.

Vua phán:

– Hãy đi tìm khắp kinh thành!

Họ đi tìm nhưng vẫn không thấy đâu cả. Vua phán:

– Thôi được, hãy đi tìm trong các nhà nghèo ngoại thành, bắt đầu từ các giỏ lá đựng thức ăn!

Họ đi tìm và thấy vương miện bảo châu trong nhà này liền la lên:

– Cha mẹ của cô nàng này là bọn trộm!

Họ trói cả hai và đem đến trình vua. Lúc ấy, cha nàng thưa:

– Tâu Chúa thượng, chúng thần không phải bọn trộm, có một người đã mang cho chúng thần bảo vật này.

Vua hỏi:

– Ai thế?

Lão đáp:

– Con rể của thần.

Khi được hỏi người ấy ở đâu, lão đáp:

– Tiệm nữ biết.

Rồi lão nói chuyện với nàng:

– Nay con, con biết chồng con là ai chứ?

– Con không biết.

– Nếu vậy thì chúng ta tiêu đời rồi!

– Thưa cha, chàng đến lúc trời tối và đi trước khi trời sáng, vì vậy con không biết hình dáng chàng, nhưng con có thể nhận ra chàng bằng cách nắm tay chàng.

Cha nàng kể việc này với các quan và họ tâu trình vua. Vua giả vờ không biết gì về việc này và phán:

– Được, hãy để nữ nhân này ở trong bức màn ở sân châu và đục một lỗ trên màn lớn bằng bàn tay đàn ông rồi gọi dân chúng đến đây để tìm cho ra tên trộm bằng cách chạm vào tay nó.

Quần thần làm theo lệnh vua. Khi đến gặp nàng và thấy nàng như vậy, họ đều ghê tởm bảo nhau:

– Nó là con quỷ cái.

Trong nỗi ghê tởm, họ không dám đụng vào nàng. Nhưng họ cũng đưa nàng đặt vào trong bức màn ở sân châu và tập hợp dân chúng lại. Khi cầm tay mỗi người đến đưa qua lỗ hồng, nàng bảo:

– Không phải người này.

Dân chúng đều say mê vì sự xúc chạm thân tiên của nàng nên không thể bỏ đi được. Họ suy nghĩ: “Nếu nàng ấy đáng bị trừng phạt thì dù chúng ta phải lấy gậy đánh nàng, chúng ta cũng sẵn sàng chịu đựng mọi việc phục dịch của bọn tôi đòi vì nàng và rước nàng về nhà làm vợ chánh.” Sau đó, quân hầu của vua đánh đuổi bọn họ đi thì tất cả quần chúng bắt đầu từ vị phó vương đều làm như lũ người điên. Lúc ấy, vua bảo:

– Thế trăm có thể là người ấy chăng?

Rồi vua đưa tay qua lỗ hồng. Người đàn bà ấy nắm lấy tay vua và la to:

– Ta đã bắt được tên trộm!

Vua hỏi quần thần:

– Khi tay các khanh được nàng ấy nắm, các khanh nghĩ sao?

Họ tâu vua giống hệt cảm giác họ đã nhận được. Vì thế, vua phán:

– Do duyên có này trăm đã bảo chúng đưa nàng về cung. Nếu dân chúng không biết gì về xúc giác của nàng, họ sẽ khinh chê trăm. Nay các khanh đã biết mọi sự thật nhờ trăm, vậy hãy nói ra nàng ấy nên ở nhà ai để làm vợ?

Quần thần đáp:

– Tâu Đại vương, ở cung của Đại vương.

Thế rồi cử hành lễ Quán đảnh, vua phong nàng làm chánh hậu và ban cho cha mẹ nàng quyền cao chức trọng. Từ đó về sau, vì say mê nàng, vua không bao tiến hành điều tra về nàng cũng chẳng ngó ngang đến nữ nhân nào khác. Các vương phi kia tìm cách khám phá điều bí mật liên quan đến nàng.

Một hôm, nàng nằm mộng thấy điềm nàng làm chánh hậu của hai vị vua liền kề giấc mộng ấy với vua. Vua triệu các người giải mộng đến hỏi:

– Giấc mộng chánh hậu thấy như vậy có nghĩa gì?

Bấy giờ, bọn họ đã nhận hối lộ từ các vương phi kia liền thưa:

– Việc chánh hậu ngồi trên lưng voi toàn trắng là dấu hiệu Đại vương băng hà và việc Lệnh bà sờ mặt trắng trong khi cười trên lưng voi là dấu hiệu bà đưa một vị địch vương đến chống Đại vương.

Vua hỏi:

– Vậy phải làm gì bây giờ?

– Đại vương không thể xử tử bà nhưng Đại vương phải đặt bà lên chiếc thuyền và đẩy xuống cho trôi sông.

Ban đêm, vua sai đặt nàng lên thuyền cùng thức ăn, áo quần và đồ nữ

trang rồi đẩy nàng trôi theo dòng. Trong khi nàng được dòng nước cuốn đi trên thuyền, nàng đến diện kiến Vua Pāvāriya, lúc ấy đang du hí trên dòng sông. Vị đại tướng của vua thấy chiếc thuyền liền hỏi:

– Chiếc thuyền này thuộc về ta.

Vua bảo:

– Hàng hóa trên thuyền thuộc về trăm.

Khi chiếc thuyền đến gần, hai vị thấy nữ nhân kia và vua hỏi:

– Ngươi là ai mà giống như quý cái thế?

Nàng mỉm cười đáp nàng là chánh hậu của Vua Baka rồi kể cho vua nghe tất cả chuyện đời nàng, rằng nàng lừng danh khắp cõi Diêm-phù-đề với biệt hiệu là Pañcapāpā. Lúc ấy, vua nắm tay nàng nhắc ra khỏi thuyền, vừa cầm bàn tay nàng, vua liền thấy rạo rực say mê vì sự xúc chạm ấy; bởi thế các cung tần mỹ nữ của vua chẳng còn được xem là xứng đáng với danh hiệu nữ nhân nữa, vua liền tôn nàng lên địa vị chánh hậu và nàng được vua sủng ái như chính bản thân của vua vậy.

Khi Vua Baka nghe mọi chuyện đã xảy ra liền bảo:

– Ta không cho phép vua ấy phong nàng làm chánh hậu đâu.

Rồi truyền triệu tập quần sĩ, vua đến đóng quân ở một cảng đối diện bên kia sông, gửi thông điệp với mục đích là bảo Vua Pāvāriya hoặc phải giao trả vị chánh hậu của mình hoặc ứng chiến. Vị địch vương kia sẵn sàng lâm trận, nhưng các quân sư của cả hai vua đều nói:

– Không cần phải chết vì một nữ nhân. Bà ấy thuộc về Vua Baka vì đó là phu quân đầu tiên của bà, song bà ấy lại thuộc về Vua Pāvāriya vì vua này đã cứu bà ra khỏi chiếc thuyền. Do vậy, hãy để bà ấy ở trong khoảng thời gian bảy ngày tại cung của mỗi vị vua.

Sau khi bàn luận kỹ lưỡng, họ thuyết phục hai vị vua đồng ý quan điểm này và cả hai đều vô cùng hoan hỷ, bảo xây kinh thành ở hai bờ đối diện của sông ấy và ngự đến ở đó, còn nữ nhân ấy nhận địa vị chánh hậu của cả hai vua và cả hai đều say mê nàng.

Bấy giờ, nàng ở bảy ngày cùng một vị vua, rồi nàng lên thuyền qua sông đến cung của vị kia, và lúc ở giữa dòng, nàng lại phạm tà hạnh với tên lái thuyền là một lão già vừa hói vừa què.

Thời ấy, chúa chim Kuṇāla là Vua Baka nên ngài kể chuyện này là việc do chính mắt ngài trông thấy và ngài ngâm kệ để chứng minh điều này:

312. Pañcapāpā chánh hậu Baka vương,
Tham dục hai vua thật khó lường,
Tuy thế, nàng kia còn phạm tội,
Với tên nô lệ của chồng nàng,

Vậy còn tên hạ tiện nào khác,
Nàng lại không mong muốn phạm gian?

CHUYỆN VƯƠNG HẬU PINGIYĀNĪ

Tuy nhiên còn một chuyện khác nữa. Ngày xưa, vương hậu của Vua Brahmadatta mệnh danh là Pingiyānī mở cửa sổ nhìn xuống và thấy một người giữ ngựa của hoàng gia. Đến khi vua đã ngủ say, nàng trèo xuống qua cửa sổ, phạm tà dục với y rồi lại trèo lên cung điện, tắm rửa toàn thân với đủ loại nước hoa và nằm xuống cạnh vua. Bấy giờ, một hôm vua suy nghĩ: “Ta không biết vì sao vào lúc nửa đêm, thân thể hoàng hậu luôn giá lạnh, ta muốn xem xét vấn đề này.”

Vì thế một ngày kia, vua giả vờ ngủ rồi trở dậy đi theo nàng và thấy nàng phạm tà hạnh với gã giữ ngựa. Vua trở về bước lên nội cung, và nàng cũng vậy, sau khi phạm tội ngoại tình liền trở vào nằm trên chiếc giường nhỏ.

Hôm sau, trước mặt quần thần, vua triệu nàng vào châu rồi công bố tà hạnh của nàng và phán:

– Tất cả đàn bà đều tội lỗi như thế cả.

Rồi mặc dù tội ấy đáng hành hình, tù đầy, xẻo thịt hoặc phanh thây, vua vẫn tha tội cho nàng, nhưng vua lại truất phế nàng khỏi ngôi cao và phong một nữ nhân khác làm chánh hậu.

Vào thời ấy, chim chúa Kuṇāla là Vua Brahmadatta, vì thế chính ngài kể chuyện này là một việc ngài đã thấy tận mắt và ngâm kệ để chứng minh:

313. Kiêu nữ Pingiyānī, ái hậu vua,
Brahmadatta ngự trị sơn hà,
Tuy nhiên nàng với tên nô lệ,
Của đấng quân vương phạm dục tà,
Do bởi hoang dâm, nàng mất hết,
Cả quân vương lẫn gã gia nô.

Sau khi kể tội lỗi của nữ giới trong các chuyện đời xưa, ngài lại nói về tà hạnh của họ bằng cách khác nữa:

314. Hèn hạ, đổi thay ấy nữ nhân,
Chúng còn bội nghĩa với vong ân,
Nam nhân ví thử không si ám,
Chẳng hạ cố tin chúng nói năng.

315. Chúng ít quan tâm bốn phận mình,
Hoặc lời kêu gọi của ân tình,
Vô tâm trước tấm lòng cha mẹ,
Hoặc mối buộc ràng của đệ huynh.

Chúng đóng vai người không hổ thẹn,
Khi vi phạm luật lệ công bình,
Mọi hành vi chúng đều tuân phục,
Ước vọng trong tâm của chính mình.

316. Dù ở với chàng bao tháng năm,
Dù chàng yêu dấu lại ân cần,
Nồng nàn trong dạ và thân thiết,
Như chính đời chàng quả thật chân,
Trong lúc gian lao và khốn khổ,
Chúng đành lòng bỏ đức phu quân.
Về phần ta chẳng bao giờ nữa,
Còn đặt lòng tin bọn nữ nhân.

317. Tâm nữ nhân thường thấy đổi thay,
Như là loài vượn khi leo cây,
Hoặc như tàng lá cây soi bóng,
Trên đỉnh non cao, vực thẳm dày.
Chủ đích ở trong lòng nữ giới,
Sao cũng chập chờn cứ chuyển lay,
Như thể bánh xe lăn vút mãi,
Không hề có lúc nghỉ, ngừng quay.

318. Khi đã nghĩ suy thật kỹ càng,
Chúng nhìn quanh quẩn kiếm tìm đàng,
Để đi bắt một người giàu có,
Biến gã thành môi của chúng săn.
Những bọn đại khò như vậy đó,
Chúng dùng lời mật ngọt chiêu hàng,
Như chàng giữ ngựa miền Cam-bốt,
Dụ dỗ ngựa rừng với cỏ rêu.

319. Song nếu nhìn quanh thật kỹ càng,
Mà không tìm thấy được con đường,
Để mong chiếm đoạt phần tài sản,
Biến gã thành môi của chúng săn,
Chúng đuổi gã ngay như một kẻ,
Đã lên bờ nọ lúc sang ngang,
Tức thì bỏ mặc thuyền trôi dạt,
Thuyền ấy từ đây chúng chẳng màng.

320. Như ngọn lửa thiêu đốt bạo hung,
Chúng ôm ghì gã chặt trong lòng,
Hoặc là đẩy gã như dòng nước,
Lũ lụt chảy cuộn cuộn tứ tung,

Chúng tán tỉnh chàng nào chúng ghét,
Cũng nhiều như kẻ chúng tôn sùng,
Như con thuyền vẫn thường kẻ sát,
Cả bến bờ xa lẫn bến gần.

- 321.** Chúng chẳng thuộc về một hoặc hai,
Chúng như hàng quán mở ra mời,
Người dùng lưới bắt nhanh làn gió,
Như nữ nhân cầm giữ bọn trai.
- 322.** Như quán nước, sông suối, mặt đường,
Hoặc như nhà trọ, sảnh công đường,
Nữ nhân buông thả cùng tất cả,
Tội chúng làm sao có thể lường.
- 323.** Độc hại như đầu rắn hổ đen,
Tham mồi như ngọn lửa vừa nhen,
Như bò lựa cỏ ngon lành nhất,
Chúng muốn tình lang lắm của tiền.
- 324.** Tránh loài voi, rắn hổ đen mun,
Ngọn lửa tưới bằng lạc cháy bùng,
Người được phong vương và quán đánh,
Bọn hồng quân, phải chạy nhanh chân.
Những ai biết sống luôn phòng hộ,
Xem các thứ này tựa địch quân,
Quả thật chính là tâm địa chúng,
Làm sao biết rõ, khó vô cùng.
- 325.** Má hồng tài trí thật thông minh,
Hay có hình dung tuyệt đẹp xinh,
Và đám mây râu thường ái mộ,
Bọn này ta phải tránh cho nhanh.
Vợ người hàng xóm, cô nàng kiếm,
Một phú ông loan phượng hợp thành,
Năm hạng nữ nhi này tất cả,
Nam nhân không được kết ân tình.

Và quả thật, thứu vương Ānanda, sau khi biết được phần đầu, phần giữa và phần cuối lời thuyết giảng của chim chúa Kuṇāla, vào lúc ấy đã nói lên lời kệ này:

- 326.** Dù một nam nhân chứa bạc vàng,
Cả trần gian để tặng riêng nàng,
Mà tim chàng vẫn yêu thương nhất,
Nàng cũng làm ô nhục đến chàng,

Nếu có thời cơ nào thuận tiện.
Vậy nên cẩn thận kéo e rằng,
Bạn sẽ rơi vào tay độc ác,
Của bọn người hèn hạ dối gian.

327. Chàng phô dáng khỏe mạnh hùng cường,
Không phạm lỗi lầm của thế gian,
Chàng đến cầu hôn cô thiếu nữ,
Chàng vừa tuần tú lại yêu thương.
Gặp cơn hoạn nạn và đau khổ,
Nàng sẽ rời xa, sẽ bỏ chàng,
Ta chẳng bao giờ tin tưởng chúng,
Phản ta đối với bọn hồng nhan.
328. Chàng chớ tin vì cứ nghĩ rằng:
“Nàng yêu ta đó, đúng rồi chẳng?”
Chàng đừng tin lẽ thường nhi nữ,
Trước mặt chàng tuôn lệ ướt đầm.
Chúng tán tỉnh chàng nào chúng ghét,
Cũng nhiều như kẻ chúng tôn sùng,
Như con thuyền vẫn thường kẻ sát,
Cả bến bờ xa lẫn bến gần.
329. Chớ tin cái ổ lót cành khô,
Cùng các lá cây tự thuở xưa,
Người bạn ngày xưa, đừng tín nhiệm,
Ngày nay có thể hóa người thù.
Chớ tin vua chúa vì suy nghĩ:
“Người ấy, bạn ta thuở trước giờ.”
Và chớ tin vào người phụ nữ,
Dù sinh cho bạn chục con thơ.
330. Cầu lạc chính là bọn nữ nhân,
Dục tham sao cứ mãi buông lung,
Lũ người vi phạm nền luân lý,
Bọn chúng, bạn đừng có cậy trông.
Vợ cứ giả vờ trò luyện ái,
Bao la, vô hạn trước ông chồng,
Chớ tin nàng ấy vì nhi nữ,
Chung chạ như bao bến tằm sông.
331. Sẵn sàng chém giết hoặc phân thân,
Không có việc gì chẳng nhúng tay,
Khi đã diễn xong trò cắt cổ,
Chúng còn uống máu của chàng ngay.

- Bọn mày râu chó say mê chúng,
 Một lũ đục tham hạ liệt đầy,
 Phóng đảng và còn chung chạ nữa,
 Như là bến tắm ở dòng sông.
- 332.** Lời nói chúng thường chẳng biệt phân,
 Giữa điều chân thật với tà gian,
 Như bò lựa cỏ ngon lành nhất,
 Chúng kiếm tình nhân lắm bạc vàng.
- 333.** Dụ một chàng bằng mắt, nụ cười,
 Chàng kia bằng cách bước đi chơi,
 Giả trang lời cuốn vại chàng nữa,
 Đám khác bằng câu chuyện ngọt bùi.
- 334.** Hung bạo, nhẫn tâm, lại bất lương,
 Song lời lẽ chúng ngọt như đường,
 Không gì bọn nữ nhi không biết,
 Để gạt chàng nào chúng kết hôn.
- 335.** Quả thật đàn bà thầy ác gian,
 Việc ô nhục của chúng không lường,
 Chúng đều tham đắm và liêu lĩnh,
 Thiêu đốt nhanh như ngọn lửa bùng.
- 336.** Nữ nhân chẳng phải được sinh ra,
 Để thích người này, ghét kẻ kia,
 Chúng tán chàng nào mà chúng ghét,
 Cũng nhiều như kẻ chúng tôn thờ,
 Như con thuyền vẫn thường kẻ sát,
 Cả bến bờ gần lẫn bến xa.
- 337.** Vì phải đâu là chuyện ghét thương,
 Mà ta thường thấy ở hồng quần,
 Đàn ông chúng bám vì vàng bạc,
 Như bám vào cây, lũ bọ trùng.
- 338.** Kẻ làm nghề đốt xác người ta,
 Hoặc quét hoa khô ở điện thờ,
 Hoặc gã giữ voi hay giữ ngựa,
 Đến cùng là đứa giữ trâu bò,
 Tuy nhiên vì bạc tiền, nhi nữ,
 Vẫn chạy theo phường hạ đẳng kia.
- 339.** Bỏ rơi quý tộc nếu nghèo nàn,
 Nhưng chính tên vô loại, hạ tầng,

Đôi với tên này như xác thối,
Nếu giàu chúng cũng chạy nhanh chân.

Như vậy, Ānanda, vị thứu vương, dựa theo những sự việc do chính ngài biết, đã nói về những tính xấu của nữ giới, rồi giữ im lặng. Còn Nārada, sau khi nghe những gì ngài cần phải nói, cũng dựa theo những việc chính mình biết liền kể ra những tính xấu của họ.

Để diễn tả việc này, bậc Đạo sư bảo:

– Thật vậy, lúc ấy Nārada, vị Bà-la-môn của thiên giới, khi nghe kể đoạn khởi đầu, đoạn giữa và đoạn cuối lời thuyết giảng của thứu vương Ānanda, vào lúc ấy nói lên những lời kệ này:

340. Bốn vật chẳng hề biết thỏa thuê,
Những lời ta nói, lắng tai nghe,
Đại dương, đạo sĩ và vua chúa,
Hỡi điều vương và bọn nữ nhi.
341. Mọi dòng trong đất gặp quê hương,
Cũng chẳng làm đầy đủ đại dương,
Vẫn có cái gì còn thiếu thốn,
Dù cùng nước biển thấy hòa tan.
342. Bà-la-môn thuộc các kinh thơ,
Tri kiến theo truyền thuyết thuở xưa,
Thánh kiến, tuy nhiên còn thiếu thốn,
Và khao khát mãi, mãi chưa vừa.
343. Vị vua chinh phục cõi trần ai,
Tất cả núi đồi, các biển khơi,
Có thể gọi kho tàng bất tận,
Chứa đầy tài sản của mình thôi,
Vẫn mơ thế giới bên kia biển,
Vì nghĩ bên này quá nhỏ nhoi.
344. Nhi nữ kết duyên với tám chồng,
Sẵn sàng tuân phục ý riêng nàng,
Anh hùng gan dạ đầy tài giỏi,
Nhiệm vụ tình quân thấy vẹn toàn,
Tuy vậy nàng yêu chàng thứ chín,
Bởi vì còn thiếu thốn trong lòng.
345. Đàn bà như lửa nuốt con mồi,
Như nước lũ tuôn chảy cuốn trôi,
Tai họa, gai đâm là bọn chúng,
Chúng thường đi lạc kiếm vàng thôi.

346. Chàng kia dùng lưới đón xuân phong,
Hoặc chỉ một mình tát biển đông,
Vỗ với một tay, xua lại đám,
Để tâm tư hướng đến giai nhân.
347. Các nàng ngọc nữ quá tinh khôn,
Thật hiếm khi tìm được thật chơn,
Cung cách nữ nhân làm rối trí,
Như đường cá lội giữa trùng dương.
348. Nói ngọt ngào, song khó thỏa lòng,
Cũng như khó đổ nước đầy sông,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết nên xa lánh má hồng!
349. Phản bội, hồng quần căm dỗ ta,
Khiến người thanh tịnh nhất sa đà,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết hồng quần phải tránh xa!
350. Bất kể hồng nhan phục vụ ai,
Hoặc vì tham dục hoặc tiền tài,
Chúng thiêu chàng rụi như nhiên liệu,
Được thả cháy trong lửa sáng ngời.

Khi Nārada đã nêu ra các tội lỗi của nữ nhân như vậy, Bò-tát một lần nữa dùng những thí dụ đặc biệt chứng minh các tính xấu của họ.

Để làm sáng tỏ việc này, bậc Đạo sư nói:

– Thật vậy, chim chúa Kuṇāla, sau khi biết được phần đầu, phần giữa và phần kết thúc câu chuyện của vị thiên Bà-la-môn tên là Nārada kể, đến đây liền nói lên những lời kệ này:

351. Người khôn dám nói một đôi lời,
Vớ quẻ cầm gương sắc mới mài,
Đánh đập hung xà, song chớ bạo,
Chuyện trò với gái một mình thôi.
352. Nữ sắc làm mờ trí tục nhân,
Nói, cười, ca, múa, cánh tay trần,
Gây phiền lụy những tâm dao động,
Như quẻ dữ xưa giết lá buồn.
353. Đắm say rượu thịt, cố hoài công,
Kiềm chế cơn thèm, nén dục tâm,

- Như quái vật xưa trong biển cả,
Nuốt trôi tài sản của nam nhân.
354. Chúng chiếm riêng tham dục ngũ phần,
Buông lung kiêu mạn cứ tuôn tràn,
Như sông tìm đại dương đi tới,
Bọn phóng dật làm mỗi nữ nhân.
355. Trai tráng được nhi nữ thích ham,
Động tâm bởi nhục dục tham lam,
Kẻ kia nung nấu vì cuồng vọng,
Chúng đốt sạch trơn tựa lửa than.
356. Kẻ nào nếu chúng biết giàu sang,
Nhào đến cướp đi trọn bạc vàng,
Tay quăn chặt chàng bùng lửa dục,
Như dây leo quăn chặt cành sālā.
357. Như trái bimba, miệng đỏ tươi,
Dùng nhiều mưu kế hại con người,
Khi thì cười lớn, khi cười nụ,
Như Samvara, chúa bầy mồi.
358. Nữ nhi trang điểm đủ kim hoàn,
Được họ nhà trai đón thật sang,
Cho dầu được canh phòng cẩn mật,
Vẫn thường phạm tội phản phụ quân,
Như nàng kiều nữ ngày xưa ấy,
Đã được mang trong bụng quỷ nhân.²⁸
359. Người có trí và thật nổi danh,
Được tôn sùng dưới mắt quần sinh,
Tuy nhiên sa dưới quyền nhi nữ,
Sẽ không còn tươi sáng hiển vinh,
Như cả vàng trắng vừa bị nuốt,
Bởi La-hầu đại lực yêu tinh.
360. Cừu nhân trút hận xuống cừu nhân,
Hay bạo chúa phô nổi hận sân,
Số phận còn đau hơn thế nữa,
Che mờ tất cả bởi nguồn căn,
Dục tham nên phải đành sa đọa,
Ở dưới quyền uy của nữ nhân.

²⁸ Xem J. III. 527, *Samuggajātaka* (Chuyện cái hộp), số §436.

361. Bị hãm cào cấu khắp thân hình,
Hoặc nắm tóc lôi kéo khỏi mình,
Dọa quất bằng roi, hay gậy gộc,
Hoặc là đâm đá khắp chung quanh,
Nữ nhi vẫn chạy đi tìm kiếm,
Một gã cùng đình kết bạn tình,
Vì thấy lạc hoan trong gã ấy,
Như loài ruồi kiếm xác ươn sinh.
362. Tránh bọn nữ nhân ở giữa đường,
Hoặc kinh thành hoặc ở công trường,
Của vua, thị trấn, thôn làng nhỏ,
Bậc có trí hiền sẽ lạc an,
Tránh được bấy đang giăng vây đó,
Bởi Namuci, chính Ma vương.
363. Kẻ nào buông lỏng luật Sa-môn,
Tập những thói đê tiện, hạ tầng,
Kẻ khôn ngu si đành đổi lấy,
Ngục sâu thay thế cảnh thiên đường,
Giống như những kẻ nào đem đổi,
Ngọc có tỳ thay ngọc vẹn toàn.
364. Đời này, đời kẻ đáng khinh khi,
Là kẻ cố tâm khổ lụy vì,
Bọn ác nữ nhân, đi lão đảo,
Ngã nhào liều lĩnh, thật ê chề,
Như con lừa dữ cuồng điên chạy,
Vớ chiếc xe lăn lóc mọi bề.
365. Hoặc vào rừng lượm lặt gươm dao,
Ngục Patāpana phải đọa vào,
Đội lột thú rừng đi lảng vảng,
Chốn ma đói chẳng thoát thân nào.
366. Trong vườn Hỷ Lạc thú vui chơi,
Của các thiên tiên ở cõi trời,
Quyền đại đế vương trên mặt đất,
Tiêu vong vì nữ giới, than ôi!
Thói phùng phóng dật, buông lung ấy,
Đi đến sâu, bi, đọa xứ thôi.
367. Khó đâu thành đạt thú thiên đường,
Cũng chẳng khó quyền lực đế vương,

Trải rộng khắp nơi trên cõi đất,
Các nàng thiên nữ ở lầu vàng,
Đã thành tựu các điều như vậy,
Đoạn diệt từ lâu ác dục tham.

368. Từ dục giới này được hóa thân,
Đi vào sắc giới đủ quyền năng,
Tái sinh vào cõi A-la-hán,
Những vị đã trừ diệt dục tâm.

369. Cực lạc vượt qua mọi khổ đau,
Không duyên sinh, bất động, thâm sâu,
Đạt thành bởi những người thanh tịnh,
Đắc Niết-bàn ly dục đã lâu.

Như vậy, Bồ-tát chấm dứt pháp thoại sau khi làm cho hội chúng đắc Đại Niết-bàn bất diệt. Các loài yêu quý, mãnh xà và đồng loại ở vùng Tuyết Sơn cùng các vị thần đứng trên không gian đều reo mừng tán thán:

– Lành thay! Thật là khéo nói với đầy đủ vẻ nhiệm mầu của một bậc Giác ngộ!

Thứ vương Ānanda, vị thiên Bà-la-môn Nārada, chim cu chúa Puṇṇamukha và Bồ-tát đều trở về trú xứ của mình. Song các vị kia thỉnh thoảng còn trở lại nhận lời chỉ giáo trực tiếp từ Bồ-tát và do tuân thủ giáo pháp của ngài nên được tái sinh vào cõi trời.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và ngâm vắn kệ cuối cùng để nhận diện tiền thân:

370. Udāyi là chim cu chúa,
Thứ vương chính thực Ānanda,
Nārada là Sāriputta,
Kuṇāla chúa chính là Ta.
Hội chúng ấy là đệ tử Như Lai,
Các người hãy nhớ tiền thân này.

Bấy giờ, các Tỷ-kheo này khi đến đây, đã đến bằng thần thông của bậc Đạo sư; còn khi về, lại về bằng chính uy lực thần thông của mình. Và ở trong Đại Lâm, bậc Đạo sư đã đưa ra đề tài thiền định nên ngay hôm ấy các vị đắc quả A-la-hán. Có một số đông chư thiên tụ họp nơi ấy nên đức Thế Tôn tuyên thuyết cho các vị nghe *Kinh Đại hội*.²⁹

²⁹ Xem D. II. 253, *Mahāsamayasutta* (Kinh Đại hội), số 20.